

PHỤ LỤC 1B

ĐĂNG KÝ DANH MỤC THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ GTNT NĂM 2026 THUỘC 58 XÃ, PHƯỜNG PHÍA ĐÔNG TỈNH GIA LAI
(PHẦN: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GTNT)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
1	PHƯỜNG AN NHƠN			1,718	-	0,236	0,493	0,989	
1.1	Tiếp giáp BTXM - Nhà Đỗ Văn Rừng (Vân Sơn)	Giáp BTXM	Nhà ông Đỗ Văn Rừng	0,061	-	0,061	-	-	
1.2	BTXM - ngõ Thái Phi Long (Nam Tân)	Giáp BTXM	Nhà ông Thái Phi Long	0,030	-	0,030	-	-	
1.3	BTXM từ nhà ông Hà Văn Đồng - Nhà ông Nguyễn Kim Trọng (Nam Tân)	Giáp BTXM	Nhà ông Nguyễn Kim Trọng	0,031	-	0,031	-	-	
1.4	BTXM đường 32/1 Nguyễn Nhạc - 30/6 Nguyễn Nhạc (Bà Canh)	32/21 Nguyễn Nhạc	30/6 Nguyễn Nhạc	0,024	-	0,024	-	-	
1.5	BTXM đường 52/6 Đặng Tiến Đông (Bà Canh)	Giáp BTXM	52/6 Đặng Tiến Đông	0,030	-	0,030	-	-	
1.6	BTXM - nhà bà Xuân Mai (Đại Bình)	Giáp BTXM	Nhà bà Xuân Mai	0,060	-	0,060	-	-	
1.7	Nhà ông Minh - Nhà ông Cang (Nam Tân)	Giáp BTXM	Nhà ông Cang	0,057	-	-	0,057	-	
1.8	BTXM từ Gò má chùa - Nhà Bà Điểm (Đại Hoà)	Gò Má chùa	Nhà bà Điểm	0,059	-	-	0,059	-	
1.9	Tiếp giáp BTXM - Nhà Trần Văn Rô (Vân Sơn)	Giáp BTXM	Nhà ông Trần Văn Rô	0,063	-	-	0,063	-	
1.10	Tiếp giáp BTXM - nhà ông Giả Văn Chiêu (Vân Sơn)	Giáp BTXM	Giáp BTXM nhà ông Giả Ngọc Chiêu	0,064	-	-	0,064	-	
1.11	BTXM - Nhà ông Nhị (Nam Tân)	Giáp BTXM	Nhà ông Nhị	0,025	-	-	0,025	-	
1.12	Nhà ông Nguyễn Ngọc Hường - giáp điểm trường tiểu học Tân Đức	Giáp BTXM	Nhà ông Nguyễn Ngọc Hường	0,115	-	-	0,115	-	
1.13	BTXM đoạn từ giáp BTXM - Nhà bà Nguyễn Thị Ca (Thuận Đức)	Giáp BTXM	Nhà Nguyễn Thị Ca	0,069	-	-	0,069	-	
1.14	BTXM đoạn từ giáp BTXM - Nhà Nguyễn Văn	Giáp BTXM	Nhà ông Nguyễn Văn	0,041	-	-	0,041	-	
1.15	BTXM từ nhà ông Dương - Nhà bà Thảo (Thanh Danh)	Nhà ông Dương	Nhà bà Thảo	0,135	-	-	-	0,135	
1.16	BTXM từ Miếu Bắc Hạ - Nhà ông Cho (Thanh Danh)	giáp BTXM	Nhà ông Cho	0,120	-	-	-	0,120	
1.17	BTXM từ nhà ông Xí -Nhà ông Bình (Nam Nhạn Thấp)	Giáp BTXM nhà ông Xí	Giáp BTXM nhà ông Bình	0,048	-	-	-	0,048	
1.18	Tiếp giáp BTXM - Nhà Huỳnh Văn Chơn (Bắc Nhạn Thấp)	Giáp BTXM	Nhà ông Huỳnh Văn Chơn	0,043	-	-	-	0,043	
1.19	Ngã 3 - giáp lù (Đại Hoà)	Ngã 3 giáp BTXM	Giáp lù	0,162	-	-	-	0,162	
1.20	Tiếp giáp BTXM - Nhà Giả Ngọc Ảnh (Vân Sơn)	Giáp BTXM	Nhà ông Giả Ngọc Ảnh	0,129	-	-	-	0,129	
1.21	Tiếp giáp BTXM - Nhà ông Lê Văn Thìn (Vân Sơn)	Giáp BTXM	Nhà ông Lê Văn Thìn	0,121	-	-	-	0,121	
1.22	BTXM từ Nhà ông Long -Nhà ông Minh (Nam Nhạn Thấp)	Giáp BTXM nhà Ông Long	Giáp BTXM nhà Ông Minh	0,077	-	-	-	0,077	
1.23	BTXM đường 74/75 Đào Duy Từ - 74/73 Đào Duy Từ (Bà Canh)	74/75 Đào Duy Từ	74/73 Đào Duy Từ	0,032	-	-	-	0,032	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
1.24	BTXM đường 9/46 Huyện Trần Công Chúa (Bả Canh)	Giáp BTXM	9/46 Huyện Trần Công Chúa	0,027	-	-	-	0,027	
1.25	BTXM Đô Đốc Long - Sân đội 8	Giáp đường Đô Đốc Long	Sân đội 8	0,095	-	-	-	0,095	
2	PHƯỜNG AN NHƠN BẮC			7,116	-	7,116	-	-	
2.1	BTXM và Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và xung quanh chợ Gò Găng	Chợ Gò Găng	Giáp khu QHDC Gần chợ Gò Găng	0,350	-	0,350	-	-	
2.2	BTXM GTNT các tuyến nhánh rẽ ở Tổ dân phố Châu Thành, Vạn Thuận								
	Tuyến 1: Tuyến đường từ bê tông hiện trạng đến ngõ nhà ông Nguyễn Công Cảnh	BTXM hiện trạng	Nhà ông Cảnh	0,105	-	0,105	-	-	
	Tuyến 2: Tuyến đường từ Nguyễn Văn Thìn đến nhà ông Nguyễn Văn Dậu	Nhà ông Nguyễn Văn Thìn	Nhà ông Nguyễn Văn Dậu	0,165	-	0,165	-	-	
	Tuyến 3: Tuyến đường từ nhà ông Trần Văn Hùng đến nhà ông Nguyễn Văn Được	Nhà ông Trần Văn Hùng	Nhà ông Nguyễn Văn Được	0,085	-	0,085	-	-	
	Tuyến 4: Tuyến đường từ nhà ông Trương Quốc Tin đến nhà ông Trương Văn Cần	Nhà ông Trương Quốc Tin	Nhà ông Trương Văn Cần	0,115	-	0,115	-	-	
	Tuyến 5: Tuyến đường từ nhà ông Trương Minh Hải đến nhà ông Trương Minh Huy	Nhà ông Trương Minh Hải	Nhà ông Trương Minh Huy	0,095	-	0,095	-	-	
	Tuyến 6: Tuyến đường từ nhà ông Bùi Văn Lão đến nhà bà Lê Thị Thanh	Nhà ông Bùi Văn Lão	Nhà bà Lê Thị Thanh	0,070	-	0,070	-	-	
	Tuyến 7: Tuyến đường từ nhà ông Bùi Công đến sân kho đội 9	Nhà ông Bùi công	Sân kho đội 9	0,190	-	0,190	-	-	
	Tuyến 8: Tuyến đường từ nhà bà Liên đến nhà ông Đinh Thanh Nhã	Nhà bà Liên	Nhà ông Đinh Thanh Nhã	0,125	-	0,125	-	-	
	Tuyến 9: Tuyến đường nhà ông Lâm đến giáp mương BTXM	Nhà ông Lâm	Giáp mương BTXM	0,185	-	0,185	-	-	
2.3	BTXM GTNT các tuyến nhánh rẽ ở Tổ dân phố Phú Thành, Lý Tây, Nhơn Thuận, An Lợi								
	Tuyến 1: Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Hiền đến nhà ông Bùi Văn Long	Nhà bà Hiền	Nhà ông Long	0,080	-	0,080	-	-	
	Tuyến 2: Tuyến đường từ Trương Văn Đa đến nhà ông Huỳnh Văn Trí	Trương Văn Đa	Nhà ông Huỳnh Văn Trí	0,060	-	0,060	-	-	
	Tuyến 3: Tuyến đường từ đường Võ Trứ đến điểm trường Mẫu giáo khu vực Lý Tây	Đường Võ Trứ	Trường mẫu giáo Lý Tây	0,065	-	0,065	-	-	
	Tuyến 4: Tuyến đường từ nhà ông Phương đến nhà ông Nguyễn Trung Tấn	Nhà ông Phương	Nhà ông Tấn	0,130	-	0,130	-	-	
	Tuyến 5: Tuyến đường từ bờ đò đến nhà ông Nguyễn Văn Năm	Bờ đò	Nhà ông Nguyễn Văn Năm	0,125	-	0,125	-	-	
	Tuyến 6: Tuyến đường từ Miếu Nhơn Thuận đến giáp đường BTXM Trỏ Sa	Miếu Nhơn Thuận	BTXM Trỏ Sa	0,175	-	0,175	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến 7: Tuyến đường từ đầu cải tạo đến văn sen	Vùng cải tạo	Văn Sen	0,210	-	0,210	-	-	
	Tuyến 8: Đoạn đường từ Chùa Bảo Phước đến nhà ông Toàn	Chùa Bảo Phước	Nhà ông Toàn	0,305	-	0,305	-	-	
2.4	Tuyến BTXM giao thông nội đồng tuyến đường bờ bao sông Xanh	Đám ruộng ông Đào Mỹ	Đám ruộng ông Nguyễn Văn Tới	1,050	-	1,050	-	-	
2.5	Tuyến BTXM Nội đồng từ Nhà ông Vinh đến giáp bờ bao Sông Xanh (đội 5)	Nhà ông Vinh	Giáp bờ bao sông Xanh	0,675	-	0,675	-	-	
2.6	BTXM GTNT các nhánh rẽ Tổ dân phố Kim Tài, Trung Lý, Thanh Giang								
	Tuyến đường Trung Lý - Cầu Dừa	Đường hiện trạng	Cầu Dừa	0,138	-	0,138	-	-	
	Tuyến từ Thanh Giang - Tam Hòa đến nhà ông Thanh	Bia Cắm Thủ	Nhà ông Thanh	0,198	-	0,198	-	-	
2.7	BTXM GTNT các tuyến nhánh rẽ Bình An, Tịnh Bình, Xuân Mai, Định Thuận								
	Tuyến đường Từ Ngã 3 đám Dừa trên đến cuối nghĩa địa Bình An	Ngã 3 đám Dừa	Nghĩa địa Bình An	0,285	-	0,285	-	-	
	Tuyến nhà ông Nguyễn Văn Toại đến nhà ông Võ Thành Hải	Nhà ông Nguyễn Văn Toại	Nhà ông Võ Thành Hải	0,080	-	0,080	-	-	
	Tuyến nhà bà Cúc đến nhà ông Hoàng	Nhà bà Cúc	Nhà ông Hoàng	0,080	-	0,080	-	-	
	tuyến đường từ Gò cảnh đi Háo Lễ phước Hưng	Gò Cảnh	Háo lễ Phước Hưng	0,270	-	0,270	-	-	
	Tuyến đường từ đường liêm xóm đến nhà ông Hòa	Đường BTXM	Nhà ông Hòa	0,050	-	0,050	-	-	
	Tuyến từ ngã ba nhà bà Tô Thị Ba tới nhà bà Ngô Thị Phụng	Nhà bà Tô thị Ba	Nhà bà Ngô Thị Phụng	0,090	-	0,090	-	-	
	Tuyến đường từ ngõ bà Đinh Thị Bơ đến giáp sông Vân Triều	Bà Đinh Thị Bơ	Sông Vân Triều	0,170	-	0,170	-	-	
	Tuyến đường Từ Nhà ông Dũng đến Bờ Ngự thủy Tổ dân phố Định Thuận	Nhà Ông Dũng	Bờ Ngự Thủy	0,340	-	0,340	-	-	
2.9	BTXM GTNT các tuyến nhánh rẽ Hòa Đông, Hòa Tây, Thái Xuân								
	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Thái Xuân đi đến An Se	Nhà ông Xuân	Gò An Sê	0,135	-	0,135	-	-	
	Tuyến đường từ phía tây cầu Thái Bình đến nghĩa địa Gò Miếu	Cầu Thái Bình	Nghĩa địa Gò Miếu	0,210	-	0,210	-	-	
	Tuyến từ nhà bà 2 Lệ đến Gò Phương Da	Nhà bà 2 Lệ	Gò Phương Da	0,080	-	0,080	-	-	
	Tuyến từ nhà ông Hoàng, nhà ông Kiên đến nhà ông Phong	Nhà ông Hoàng	Nhà ông Phong	0,125	-	0,125	-	-	
	Tuyến Từ tổ dân phố Hòa Tây đến đám ruộng ông Sang	Tổ dân phố Hòa Tây	Đám ruộng ông Sang	0,185	-	0,185	-	-	
	Tuyến đường Từ đầu đám Phòng 9 đến giáp đầu cầu đám Lâu 5	Đám Phòng 9	Đầu cầu đám Lầu	0,192	-	0,192	-	-	
	Tuyến từ cầu Cây Trắc đến nghĩa địa Gò Chùa (Bổ sung)	Cầu Cây Trắc	Nghĩa địa Gò Chùa	0,093	-	0,093	-	-	
	Tuyến từ nhà ông Trần Thu Hải đến nhà ông Trần Đăng Phong	Nhà ông Hải	Nhà ông Phong	0,035	-	0,035	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
3	PHƯỜNG AN NHƠN ĐÔNG			1,359	-	1,053	0,186	0,120	
3.1	Tổ dân phố Thanh Liêm								
	Tuyến đường từ nhà Đặng Thị Trà đến Huỳnh Thị Kim Đào	Nhà Đặng Thị Trà	Nhà Huỳnh Thị Kim Đào	0,070	-	0,070	-	-	
	Tuyến đường từ nhà Lê Thanh Tân đến nhà Lê Tăng Thắng	Nhà Lê Thanh Tân	Nhà Lê Tăng Thắng	0,050	-	0,050	-	-	
	Tuyến đường từ nhà Lê Thị Hiệp đến nhà Nguyễn Thị Hương	Nhà Lê Thị Hiệp	Nhà Nguyễn Thị Hương	0,150	-	0,150	-	-	
3.2	Tổ dân phố Thuận Thái								
	Tuyến đường Thuận Thái 2 đến nhà Nguyễn Thị Long	Đường Thuận Thái 2	Nhà Nguyễn Thị Long	0,030	-	-	0,030	-	
	Tuyến đường Thuận Thái 3 đến nhà Trần Thị Phấn	Đường Thuận Thái 3	Nhà Trần Thị Phấn	0,030	-	-	0,030	-	
	Tuyến đường Thuận Thái 1 đến nhà Nguyễn Tri Dũng	Đường Thuận Thái 1	Nhà Nguyễn Tri Dũng	0,052	-	-	0,052	-	
	Tuyến đường Thuận Thái 3 đến nhà Hồ Hữu Tùng	Đường Thuận Thái 3	Nhà Hồ Hữu Tùng	0,042	-	-	0,042	-	
	Tuyến đường Thuận Thái 2 đến nhà Lê Văn Long	Đường Thuận Thái 2	Nhà Lê Văn Long	0,032	-	-	0,032	-	
	Tuyến đường bê tông từ ông Phú đến kè sông, Nguyễn Văn Chín đến 631, Bùi Quốc Đạt đến 631;	Nhà ông Phú	Nhà ông Chín, ông Quốc	0,360	-	0,360	-	-	
3.3	Tổ dân phố Tân Dương								
	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Văn Dũng đến nhà bà Nguyễn Thị Hải	Nhà Nguyễn Văn Dũng	Nhà Nguyễn Thị Hải	0,059	-	0,059	-	-	
	Tuyến đường từ nhà Phạm Thị Mỹ đến nhà Đào Ngọc Anh	Nhà Phạm Thị Mỹ	Nhà Đào Ngọc Anh	0,051	-	0,051	-	-	
	Tuyến đường từ nhà Lê Hữu Nghị đến nhà Nguyễn Thị Ngọc Sương	Nhà Lê Hữu Nghị	Nhà Nguyễn Thị Ngọc Sương	0,163	-	0,163	-	-	
3.4	Tổ dân phố Tiên Hoà								
	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Tường đến nhà Kim Hoa	Nhà Nguyễn Tường	Nhà Kim Hoa	0,050	-	-	-	0,050	
	Tuyến đường từ nhà Thờ đến nhà Trịnh Kim Sơn	Nhà Thờ	Nhà ông Trịnh Kim Sơn	0,040	-	-	-	0,040	
	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Thành Liêm đến nhà Đỗ Văn Hiền	Nhà Nguyễn Thành Liêm	Nhà ông Đỗ Văn Hiền	0,030	-	-	-	0,030	
3.5	Tổ dân phố Trung Định								
	Tuyến đường từ nhà ông Trần Đình Khương đến ngõ ông Trần Văn Huân	Nhà ông Trần Đình Khương	Nhà ông Trần Văn Huân	0,100	-	0,100	-	-	
	Tuyến đường nhà ông Triệu Văn Đức đến đường bê tông nội đồng	Nhà ông Triệu Văn Đức	Đường bê tông nội đồng	0,050	-	0,050	-	-	
4	PHƯỜNG AN NHƠN NAM	-	-	-	-	-	-	-	
5	PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH			13,935	-	13,545	0,210	0,180	
5.1	TDP Nhơn Nghĩa Đông								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường giao thông nội đồng Ngõ Phạm Văn Tiếp - Đám Vỡ	Ngõ Phạm Văn Tiếp	Đám Vỡ	1,200	-	1,200	-	-	
	Tuyến đường giao thông nội đồng Ngõ Dương Văn Bí - Cống phạm pháp	Ngõ Dương Văn Bí	Cống phạm pháp	0,400	-	0,400	-	-	
5.2	TDP Hòa Mỹ								
	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hường - cầu Bàu Xã	Nhà ông Nguyễn Văn Hường	Cầu Bàu Xã	1,050	-	1,050	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Văn Cừ - giáp cầu Máng ra tới dốc nhà ông Trần Văn Ngọc	Nhà ông Nguyễn Văn Cừ	Giáp cầu Máng ra tới dốc nhà ông Trần Văn Ngọc	1,100	-	1,100	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Đỗ Minh Đức - Trục đường chính Hoà Mỹ - An Thái	Từ nhà ông Đỗ Minh Đức	Trục đường chính Hoà Mỹ - An Thái	0,700	-	0,700	-	-	
	Tuyến đường từ ngã ba Cát Ngạn - Gò Tranh	ngã ba Cát Ngạn	Gò Tranh	0,400	-	0,400	-	-	
	Tuyến đường từ cầu Lê Lợi - đám lớn Đồng Xe	Cầu Lê Lợi	Đám lớn Đồng Xe	0,120	-	0,120	-	-	
	Tuyến đường từ tiếp giáp soi giữa - Cây Sung	tiếp giáp soi giữa	Cây Sung	0,100	-	0,100	-	-	
5.3	TDP Thái Thuận								
	Tuyến đường từ Nhà ông 8 Hân - Trạm Bơm TDP	Nhà ông 8 Hân	Trạm Bơm TDP	1,000	-	1,000	-	-	
	Tuyến đường từ Nhà Nguyễn Cường - Bến cây me	Nhà Nguyễn Cường	Bến cây me	0,400	-	0,400	-	-	
5.4	TDP Thắng Công								
	Tuyến đường từ Nhà Lâm Hữu Thọ - Giáp đường ĐT.636	Nhà Lâm Hữu Thọ	Giáp đường ĐT.636	0,380	-	0,380	-	-	
	Tuyến đường từ Nhà Trần Thế Trí - Giáp đường ĐT.636	Nhà Trần Thế Trí	Giáp đường ĐT.636	0,310	-	0,310	-	-	
	Tuyến đường từ Nhà Trần Thị Liên - Trạm bơm 1 Thắng Công	Nhà Trần Thị Liên	Trạm bơm 1 Thắng Công	0,350	-	0,350	-	-	
5.5	TDP An Thái								
	Tuyến đường từ Giáp đường cống Làng nghề - Giáp Mộ tập thể	Giáp đường cống Làng nghề	Giáp Mộ tập thể	0,150	-	-	0,150	-	
5.6	TDP Mỹ Hạnh								
	Tuyến đường giao thông nội đồng phía Nam Mường Tinh	ĐT.636	Cầu Bờ Vùng	0,800	-	0,800	-	-	
	Tuyến đường giao thông Nhà Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Nhà Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Bờ kè Sông Kôn	0,400	-	0,400	-	-	
5.7	TDP Phụ Ngọc								
	Tuyến đường giao thông nội đồng Đội 17	Đám Điều	Cây Da	0,250	-	0,250	-	-	
	Tuyến đường giao thông nội đồng Đội 16	Nhà Đình Công Vũ	Đám Hựu	0,205	-	0,205	-	-	
5.8	TDP Nhơn Nghĩa Tây								
	Tuyến đường giao thông nội đồng Đội 22	Gò vôi	Gò chùa mục đồng	0,150	-	0,150	-	-	
	Tuyến đường giao thông nội đồng Gò Xíu Đội 10 -11	Nhà Lê Văn Lộc	Mường Thủy lợi Cống Bông	0,700		0,700			

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường giao thông Đội 8	Ngã ba gò chùa Nhon Từ	Mường Tinh	0,500	-	0,500	-	-	
	Tuyến đường giao thông nội đồng Đội 22	Gò vôi	Gò Thích	0,250	-	0,250	-	-	
5.9	TDP Quan Quang								
	Tuyến đường giao thông từ bê tông cấp 1 - Nhà ông Nguyễn Văn Hóa - Nhà Phan Văn Thọ	Bê tông cấp 1	Nhà ông Hóa, Nhà ông Thọ	0,240	-	0,240	-	-	
	Tuyến đường giao thông từ bê tông - Ngõ Nguyễn Phúc Tâm	Bê tông	Ngõ Nguyễn Phúc Tâm	0,100	-	0,100	-	-	
	Tuyến đường giao thông từ bê tông - Phạm Văn Lực	Bê tông	Phạm Văn Lực	0,400	-	0,400	-	-	
	Tuyến đường giao thông từ bê tông - Đám hầm	Bê tông	Đám hầm	0,300	-	0,300	-	-	
5.10	TDP Hiếu An								
	Tuyến đường giao thông nội đồng từ xóm 8 đến xóm 6	Nhà Cù Lương Minh	Nhà Lê Thị Dur	1,000	-	1,000	-	-	
	Tuyến đường từ bê tông Trường Cửu - giáp bê tông nội đồng	Đường bê tông Trường Cửu	Bê tông nội đồng	0,190	-	0,190	-	-	
	Tuyến đường xóm 8 từ Đường bê tông Trường Cửu - Nhà Phạm Văn Tân	Đường bê tông Trường Cửu	Nhà Phạm Văn Tân	0,140	-	0,140	-	-	
5.11	TDP An Hòa								
	Tuyến đường từ giáp đường bê tông ngã 3 nhà ông Hà Văn Dũng - Cống mương thủy lợi xóm 1	Giáp đường bê tông ngã 3 nhà ông Hà Văn Dũng	Cống mương thủy lợi xóm 1	0,250	-	0,250	-	-	
5.12	TDP Mai Xuân Thưởng								
	Tuyến đường từ Bê tông - Nhà ông Phùng Văn Mẫn	Bê tông	Nhà ông Phùng Văn Mẫn	0,080	-	-	-	0,080	
5.13	TDP Liêm Trục								
	Tuyến đường hẻm 19 Huỳnh Thúc Kháng	Đầu hẻm	Ngã ba	0,040	-	0,040	-	-	
	Tuyến đường Xóm Lưới Tổ 1	Giáp đường Cần Vương	Giáp bờ kè	0,120	-	0,120	-	-	
5.14	TDP Vĩnh Liêm								
	Tuyến đường từ giáp đường 30 tháng 3 - Nhà Trà Thị Kiều (Hẻm 85 đường 30 tháng 3)	Giáp đường 30 tháng 3	Nhà Trà Thị Kiều	0,060	-	-	0,060	-	
	Tuyến đường từ Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu - Nhà Nguyễn Trọng Út (Hẻm 34 đường Nguyễn Đình Chiểu)	Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	Nhà Nguyễn Trọng Út	0,100	-	-	-	0,100	
6	PHƯỜNG BÔNG SON			4,850	0,450	1,059	0,851	2,490	
6.1	Đường giao thông khu phố Lại Khánh	Nhà ông Trần Quốc Tuấn	Nhà ông Trần Quang Mỹ	0,232	-	0,232	-	-	
6.2	Đường BTXM khu phố Thiết Đính Nam đoạn từ kho Trung Tín đến giáp đường Đồng Khởi	Đường Tôn Thất Tùng	Rẫy ông Hồ Xuân Cúc	0,450	0,450	-	-	-	
6.3	Đường bê tông khu phố Lại Đức	Từ đường Tôn Thất Tùng	Miếu tổ 4	0,600	-	0,600	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
6.4	Đường nội đồng Diên Khánh đi Lại Đức	Nhà ông Đặng Nhó	Nhà ông Nguyễn Chi	0,562	-	-	0,562	-	
6.5	Đường nội đồng khu phố Bình Chương Nam	Ruộng ông Nguyễn Ngọc Lực	Ruộng ông Trần Thọ	0,227	-	0,227	-	-	
6.6	Đường BTXM khu phố 2; hạng mục: Từ nhà ông Trữ đến nhà ông Hiền: 48m; từ nhà ông Minh đến nhà ông Phụng: 39m; từ đường Hoàng Minh Thảo đến nhà bà Kiệm, ông Linh, bà Dư: 145m;	Nhà ông Trữ, ông Minh, đường Hoàng Minh Thảo	Nhà ông Hiền, ông Phụng, ông Linh, bà Dư	0,232	-	-	-	0,232	
6.7	Đường BTXM khu phố 5; hạng mục: tuyến từ nhà ông Cao đến nhà ông Ta: 100m; tuyến từ nhà ông Quốc đến nhà ông Khanh: 100m	Nhà ông Cao, ông Quốc	Nhà ông Ta, ông Khanh	0,200	-	-	-	0,200	
6.8	Đường BTXM khu phố Phụ Đức; Hạng mục: Tuyến từ đường Biên Cương đến nhà bà Tuyết: 80m; tuyến từ đường Biên Cương đến nhà ông Thời: 51m	Đường Biên	Nhà bà Tuyết, nhà ông Thời	0,131	-	-	-	0,131	
6.9	Đường BTXM khu phố Trung Lương; hạng mục: tuyến từ nhà ông Đờ đến nhà ông Bé: 100m, tuyến từ nhà ông Niêm đến nhà ông Cang: 55m, tuyến từ nhà ông Tim đến nhà ông Vinh: 54m, tuyến nhà bà Linh đến nhà bà Tuyết: 80m	Nhà ông Đờ, ông Niêm, ông Tim, bà Linh	Ông Bé, ông Cang, ông Vinh, bà Tuyết	0,289	-	-	0,289	-	
6.10	Đường BTXM khu phố Thiết Đính Nam; hạng mục: Tuyến nhà ông Song - ông Tiên; ông Cô - ông Siêng; ông Họt - ông Bi; ông Họt - ông Hiệp và ông Lọt ông Xứng; ông Hy - ông ngư; ông rân - ông thìn; bà thung - ông Tấn; ông Dụ - bà Diễm; ông Hưng - ông Hàng	Tuyến nhà ông Song; ông Cô; ông Họt; ông Lọt; ông Hy; ông rân; bà thung; ông Dụ; ông Hưng	Ông Tiên; ông Siêng; ông Bi; ông Hiệp, ông Xứng; ông ngư; ông thìn; ông Tấn; bà Diễm; ông Hàng	1,077	-	-	-	1,077	
6.11	Đường BTXM khu phố Thiết Đính Bắc; hạng mục: tuyến nhà ông Lâm - bà Có; ông Qui - ông Như; ông Ân - ông loan; ông Văn - ông Nghiêu bà Đào; đường Mai Dương - ông Tiếp; đường Đồng Khởi - ông Nghiệp	Ông Lâm; ông Qui; ông Ân; ông Văn; đường Mai Dương; đường Đồng Khởi	Bà Có; ông Như; ông loan; ông Nghiêu bà Đào; ông Tiếp; ông Nghiệp	0,850	-	-	-	0,850	
7	PHƯỜNG HOÀI NHƠN			3,679	-	0,300	2,317	1,062	
7.1	Tuyến trước ông Na trước nhà ông Thiên, Tuyến Gò đến bà Mẫn	Ông Na	Bà Mẫn	0,151	-	-	0,151	-	
7.2	Tuyến đường Nguyễn Xuân Nhĩ	Nguyễn Xuân Nhĩ	Nguyễn Xuân Nhĩ	0,020	-	-	0,020	-	
7.3	Tuyến từ nhà ông Tánh đến cổng vào Lãng	Ông Tánh	Lãng	0,150	-	-	0,150	-	
7.4	Tuyến từ nhà bà Long đến ông Hưởng	Bà Long	Ông Hưởng	0,150	-	-	-	0,150	
7.5	Từ nhà Bà Vân đến Bà Diễm	Bà Vân	Bà Diễm	0,045	-	-	0,045	-	
7.6	Từ nhà ông Dân đến ông Hùng	Ông Dân	Ông Hùng	0,030	-	0,030	-	-	
7.7	Tuyến nhà Hạnh - bình điện An Lộc	Nhà Hạnh	Bình điện An Lộc	0,310	-	-	0,310	-	
7.8	Tuyến nhà Lê Trước - nhà Tui	Nhà Lê Trước	Nhà Tui	0,130	-	-	0,130	-	
7.9	Tuyến nhà Hiếu - nhà Sanh	Nhà Hiếu	Nhà Sanh	0,180	-	-	0,180	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
7.10	Tuyến nhà Bảy - ngõ Vân	Nhà Bảy	Ngõ Vân	0,070	-	-	-	0,070	
7.11	Tuyến bình điện - soi xe nổi dài	Soi xe	Đường Trần Cao Vân	0,466	-	-	0,466	-	
7.12	Tuyến ngõ Nhậm - ngõ Sánh	Ngõ Nhậm	Ngõ Sánh	0,070	-	-	0,070	-	
7.13	Tuyến nhà Trọng - nhà Đáng	Nhà Trọng	Nhà Đáng	0,070	-	-	0,070	-	
7.14	Tuyến nhà Bốn - ngã tư Bà Triệu	Nhà Bốn	Ngã tư Bà Triệu	0,325	-	-	0,325	-	
7.15	Tuyến ngã 3 nhà Thơ - Vạn Tân An	Ngã 3 nhà Thơ	Vạn Tân An	0,270	-	0,270	-	-	
7.16	Tuyến bình điện Lâm Trúc 2 - Bàu Lưới	Bình điện Lâm Trúc 2	Bàu Lưới	0,100	-	-	0,100	-	
7.17	Tuyến ngõ Tứ - ngõ Bích	Ngõ Tứ	Ngõ Bích	0,180	-	-	0,180	-	
7.18	Tuyến nhà Đính - nhà Triều	nhà Đính	Nhà Triều	0,120	-	-	0,120	-	
7.19	Tuyến ao cây quăn - nhà Phòng	Ao cây quăn	Nhà Phòng	0,186	-	-	-	0,186	
7.20	Tuyến nhà Dương - nhà Nghĩa	Nhà Dương	Nhà Nghĩa	0,133	-	-	-	0,133	
7.21	Tuyến nhà Đức - nhà Xí	Nhà Đức	Nhà Xí	0,180	-	-	-	0,180	
7.22	Tuyến nhà Lưu - nhà Thọ	Nhà Lưu	Nhà Thọ	0,283	-	-	-	0,283	
7.23	Tuyến nhà Trộn - nhà Sách	Nhà Trộn	Nhà Sách	0,060	-	-	-	0,060	
8	PHƯỜNG HOÀI NHƠN BẮC	-	-	11,990	1,334	6,354	3,888	0,414	
8.1	Khu phố Tân Thành								
	Từ nhà Hà Thị Á - Hà Thị Diệu Hiền	Hà Thị Á	Hà Thị Diệu Hiền	0,153	-	-	0,153	-	
	Từ nhà Tăng Thành Kiên - Văn Xuân Trung	Tăng Thành Kiên	Văn Xuân Trung	0,074	-	0,074	-	-	
8.2	Khu phố Tân Thành 1								
	Từ nhà Trần Thị Chi - đường bê tông	Trần Thị Chi	Đường Bê tông	0,150	-	-	0,150	-	
	Từ nhà ông Huỳnh Duy Sinh - Trần Thị Hoa	Huỳnh Duy Sinh	Trần Thị Hoa	0,190	-	-	0,190	-	
	Từ nhà Lê Thị Sơn - Phùng Tấn Tường	Lê Thị Sơn	Phùng Tấn Tường	0,100	-	-	0,100	-	
8.3	Khu phố Tân Thành 2								
	Từ nhà Văn Thị Đạt - La Văn Bốc	Văn Thị Đạt	La Văn Bốc	0,124	-	-	0,124	-	
	Từ nhà Trịnh Hữu Lực - Nguyễn Xuân Thành	Trịnh Hữu Lực	Nguyễn Xuân Thành	0,045	-	-	0,045	-	
8.4	Khu phố Thiện Chánh, Thiện Chánh 1, Thiện Chánh 2								
	Từ nhà Huỳnh Văn Phú - Lê Đợi;	Huỳnh Văn Phú	Lê Đợi	0,142	-	-	0,142	-	
	Ngõ Hải - Lê Văn Đận	Ngõ Hải	Lê Văn Đận	0,032	-	-	0,032	-	
	Võ Nguyên Giáp - Trường tiểu học;	Võ Nguyên Giáp	Tiểu học	0,030	-	-	0,030	-	
	Nguyễn Chèo - Huỳnh Văn Sang	Nguyễn Chèo	Huỳnh Văn San	0,064	-	-	0,064	-	
8.5	Khu phố Công Thạnh								
	Từ nhà ông Bạ - ông Kiêm	Nhà Ông Bạ	Ông Kiêm	0,093	-	-	0,093	-	
	Từ nhà Trương Thị Hạc - Nguyễn Thông	Trương Thị Hạc	Nguyễn Thông	0,090	-	0,090	-	-	
	Từ nhà Mai Văn Lợi - Giáp Bê tông	Mai Văn Lợi	Bê tông	0,168	-	-	0,168	-	
	Từ nhà ông Liêm - Mai Thị Thùy Vân	Nhà Ông Liêm	Mai Thị Thùy Vân	0,075	-	-	-	0,075	
	Từ nhà Trần Thị Nghiệm - Trương Thị Nơ	Trần Thị Nghiệm	Trương Văn Nơ	0,055	-	0,055	-	-	
	Từ nhà Phan Thị Nhân Tài - Nguyễn Thị Tư	Phan Thị Nhân Tài	Nguyễn Thị Tư	0,060	-	-	-	0,060	
	Từ nhà Phi - nhà Đào;	Nhà Phi	Nhà Đào	0,110	-	-	0,110	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Nhà ông Thức - nhà ông Tân;	Nhà Thức	Nhà ông Tân	0,030	-	-	-	0,030	
	Nhà ông Độ - nhà bà Liễu;	Nhà Ông Độ	Nhà Bà Liễu	0,150	-	0,150	-	-	
8.6	Khu phố Đình Thạnh								
	Tuyến từ nhà Võ Minh Hà - Mai Xuân Tài	Võ Minh Hà	Mai Xuân Tài	0,127	-	0,127	-	-	
8.7	Khu phố Trường Xuân Đông								
	Tuyến từ nhà Lê Nghệ - Nguyễn Thị Đanh;	Lê Nghệ	Nguyễn Thị Đanh	0,035	-	-	-	0,035	
	Tuyến từ nhà ông Trường - Lê Xuân	Nhà Ông Trường	Lê Xuân	0,040	-	-	0,040	-	
	Tuyến từ giáp đường BT - nhà Nguyễn Thị Phong	Đường BT	Nhà Nguyễn Thị Phong	0,150	-	-	-	0,150	
8.8	Khu phố Trường Xuân Tây								
	Từ nhà ông Ngọc - Nguyễn Tài;	Nhà Ông Ngọc	Nguyễn Tài	0,130	-	-	0,130	-	
	Từ Trường tiểu học - Nhà Thành;	Tiểu Học	Nhà Thành	0,057	-	0,057	-	-	
	Từ nhà ông Thành - La Diêu;	Nhà Ông Thành	La Diêu	0,064	-	-	-	0,064	
	Từ nhà ông Tiên - giáp đường bê tông	Nhà Ông Tiên	Đường BT	0,100	-	0,100	-	-	
8.9	Khu phố Hy Tường								
	Từ đường 4 - Suối Máng;	Đường 4	Suối Máng	0,407	-	-	0,407	-	
	Ngõ Bình - Ba Cọc;	Ngõ Bình	Ba Cọc	0,118	-	-	0,118	-	
	Ngõ Diên - Ngõ Xuân	Ngõ Diên	Ngõ Xuân	0,145	-	-	0,145	-	
8.10	Khu phố Phú Nông								
	Tuyến ngõ Tạo - giáp Cao Tốc;	Ngõ Tạo	Cao Tốc	0,110	-	0,110	-	-	
	Tuyến ngõ Khánh - Rào Thắng;	Ngõ Khánh	Rào Thắng	0,118	-	0,118	-	-	
	Tuyến ngõ ngõ Lên - Ngõ Cừ;	Ngõ Lên	Ngõ Cừ	0,111	0,111	-	-	-	
	Tuyến ngõ Thân - Cao tốc	Ngõ Thân	Cao Tốc	0,137	-	0,137	-	-	
8.11	Khu phố An Hội Bắc								
	Ngõ Xứng - Ruộng Túc;	Ngõ Xứng	Ruộng Túc	0,468	-	-	0,468	-	
	Ngõ Tường - Nhà Thanh;	Ngõ Tường	Nhà Thanh	0,120	-	-	0,120	-	
8.12	Khu phố Gia An Đông								
	Tuyến Đồng Sát	Đường BT	Ruộng Lát	0,285	-	0,285	-	-	
	HTX - Chiều cỏi	HTX	Chiều Cỏi	0,107	-	0,107	-	-	
8.13	Khu phố Liễu An								
	Tuyến ra Chùa Dài	Đường BT	Chùa Dài	0,174	-	0,174	-	-	
	Tuyến ngõ ông Bùi Xương	Đường số 2	Ông Bùi Xương	0,075	-	0,075	-	-	
	Tuyến lên ao mới	Đường BT	Ao mới	0,307	-	0,307	-	-	
	Cầu Kính - Cao tốc	Cầu Kính	Cao Tốc	0,170	-	0,170	-	-	
	Cầu triển - cao tốc	Cầu Triển	Cao Tốc	0,394	-	0,394	-	-	
	Liễu An - Bình Đê	Liễu An	Bình Đê	0,168	-	0,168	-	-	
8.14	Khu phố Liễu An Nam								
	Ngõ Dây - Cao tốc	Ngõ Dây	Cao Tốc	0,268	0,268	-	-	-	
	Tràng Dưới - Đồng Miếu	Tràng Dưới	Đồng Miếu	0,375	0,375	-	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Nhà ông Tuất - Đường số 2	Ông Tuất	Đường số 2	0,580	0,580	-	-	-	
8.15	Khu phố Bình Đề								
	Từ ngõ Hồng - Cao tốc	Ngõ Hồng	Cao Tốc	0,335	-	0,335	-	-	
	Từ ngõ Điềm - Ngõ Ngọt;	Ngõ Điềm	Ngõ Ngọt	0,381	-	0,381	-	-	
	Từ ngõ Cẩn - Ngõ Hùng;	Ngõ Cẩn	Ngõ Hùng	0,290	-	0,290	-	-	
	Từ Ngõ Hùng - Liễu An;	Ngõ Hùng	Liễu An	0,456	-	0,456	-	-	
8.16	Khu phố Tụy An								
	Từ ngõ Được - ngõ Quy	Ngõ Được	Ngõ Quy	0,074	-	-	0,074	-	
	Từ ngõ Hợp - Ngõ Lắm	Ngõ Hợp	Ngõ Lắm	0,071	-	-	0,071	-	
	Từ ngõ Xuyên - Ngõ Thọ	Ngõ Xuyên	Ngõ Thọ	0,070	-	-	0,070	-	
	Từ ngõ Bình - Tây Tinh	Ngõ Bình	Tây Tinh	0,206	-	0,206	-	-	
	Từ ngõ Thiên - Ngõ Thâm	Ngõ Thiên	Ngõ Thâm	0,202	-	-	0,202	-	
	Từ ngõ Xuân - Ngõ Hoa	Ngõ Xuân	Ngõ Hoa	0,100	-	-	0,100	-	
	Từ Công Vờn - Ruộng Phước	Công Vờn	Ruộng Phước	0,247	-	0,247	-	-	
	Từ rộc Em - Ông Giông	Rộc Em	Ông Giông	0,154	-	-	0,154	-	
8.17	Khu phố Cẩn Hậu								
	Đường đồng Ủi	Đường BT	Bờ Mương	0,200	-	0,200	-	-	
	Cầu Vực Sung - Gò Chay	Vực Sung	Gò Chay	0,340	-	0,340	-	-	
	Tuyến bê tông đoạn từ Suối Vàng đến Rẫy Nong	Suối Vàng	Rẫy Nong	0,388	-	-	0,388	-	
8.18	Khu phố Túy Sơn								
	Tuyến đồng mai	Đường BT	Đồng Mai	0,226	-	0,226	-	-	
	Tuyến đồng chùa	Đường BT	Đồng Chùa	0,615	-	0,615	-	-	
	Nghĩa địa - ngõ Thông	Nghĩa Địa	Ngõ Thông	0,360	-	0,360	-	-	
9	PHƯỜNG HOÀI NHON ĐÔNG			7,118	3,775	-	1,080	2,263	
9.1	TDP Thiện Đức								
	Đường Tuyến từ Đặng Ni đến Nguyễn Thanh Ghi (TDP Thiện Đức)	Từ Đặng Ni	Đến Nguyễn Thanh Ghi	0,965	0,965	-	-	-	
	Tuyến đường từ đường Nguyễn Du đến Lê Văn Thiên (TDP Thiện Đức)	Đường Nguyễn Du	Nhà ông Lê Văn Tiên	0,560	0,560	-	-	-	
	Tuyến đường nhà ông Lê Bắc đến nhà ông Lê Hồng (TDP Thiện Đức)	Nhà ông Lê Bắc	Nhà ông Lê Hồng	0,100	-	-	-	0,100	
	Tuyến đường nhà ông Trần Hữu Vinh đến nhà ông Huỳnh Văn Châu (TDP Thiện Đức)	Nhà ông Trần Hữu Vinh	Nhà ông Huỳnh Văn Châu	0,100	-	-	-	0,100	
9.2	TDP Thiện Đức Bắc								
	Tuyến đường nhà Lê Thanh Thủy đến nhà nghỉ Hoàng Gia (TDP Thiện Đức Bắc)	Nhà Lê Thanh Thủy	Nhà nghỉ Hoàng Gia	0,210	-	-	0,210	-	
9.3	TDP Thiện Đức Đông								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường từ đường Võ Nguyên Giáp đến nhà ông Nguyễn Văn Đạt (TDP Thiện Đức Đông)	Đường Võ Nguyên Giáp	Nhà ông Nguyễn Văn Đạt	0,250	-	-	-	0,250	
	Tuyến đường từ nhà ông Trương Đình Rên đến nhà ông Chí (TDP Thiện Đức Đông)	Nhà ông Trương Đình Rên	Nhà ông Chí	0,150	-	-	-	0,150	
	Tuyến đường từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường Bà Triệu (TDP Thiện Đức Đông)	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Bà Triệu	0,200	-	-	-	0,200	
	Tuyến đường từ đường Võ Nguyên Giáp đến nhà ông Phạm Hội (TDP Thiện Đức Đông)	Đường Võ Nguyên Giáp	Nhà ông Phạm Hội	0,150	-	-	-	0,150	
9.4	TDP Thanh Xuân								
	Tuyến đường từ nhà bà Trần đến nhà ông Trần Tòng (TDP Thanh Xuân)	Nhà bà Nguyễn Thị Hiệp	Nhà ông Trần Tòng	0,073	-	-	-	0,073	
9.5	TDP Nhuận An Đông								
	Tuyến đường từ nhà ông Trần Minh Hiệp đến nhà bà Lý Thị Thiên (TDP Nhuận An Đông)	Nhà ông Trần Minh Hiệp	Nhà bà Lý Thị Thiên	0,080	0,080	-	-	-	
	Tuyến đường từ đường Nguyễn Văn đến nhà ông Lê Cung Nay (TDP Nhuận An Đông)	Đường Nguyễn Văn	Nhà ông Lê Cung Nay	0,060	-	-	-	0,060	
	Tuyến đường từ nhà ông Trần Văn Xuân đến nhà ông Lê Thanh Tâm (TDP Nhuận An Đông)	Nhà ông Trần Văn Xuân	Nhà ông Lê Thanh Tâm	0,090	-	-	-	0,090	
9.6	TDP Lộ Diêu								
	Tuyến đường từ đường bê tông chính đến nhà ông Hồ Nay (TDP Lộ Diêu)	Đường bê tông chính TDP	Nhà ông Hồ Nay	0,150	-	-	0,150	-	
	Tuyến đường nội đồng xóm 1 (TDP Lộ Diêu)	Đường bê tông chính TDP	Đập Lù	0,700	0,700	-	-	-	
9.7	TDP Mỹ Thọ								
	Tuyến đường từ nhà ông Sĩ đến ngã 3 nhà Khánh (TDP Mỹ Thọ)	Nhà ông Sĩ	Ngã 3 nhà Khánh	0,200	-	-	0,200	-	
9.8	TDP Kim Giao Nam								
	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tín đến nhà ông Trần Thanh Tân (TDP Kim Giao Nam)	Nhà bà Nguyễn Thị Tín	Nhà ông Trần Thanh Tân	0,040	-	-	-	0,040	
9.9	TDP Phú Xuân								
	Tuyến đường vòng cung đến nhà ông Trần Minh Tâm (TDP Phú Xuân)	Đường vòng cung	Nhà ông Trần Minh Tâm	0,050	-	-	0,050	-	
9.10	TDP Diêu Quang								
	Tuyến đường từ nhà ông Hiền đến đường ĐT639 (TDP Diêu Quang)	Nhà ông Hiền	Đường ĐT 639	0,160	-	-	0,160	-	
9.11	TDP Định Công								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường từ nhà ông Trương Minh Tấn đến cổng nhà ông Trần Thuận (TDP Định Công)	Nhà ông Trương Minh Tấn	Cổng nhà ông Trần Thuận	0,140	-	-	0,140	-	
9.12	TDP Nhuận An								
	Tuyến đường nhà ông Nguyễn Hồng Thủy đến nhà ông Thái Muộn (TDP Nhuận An)	Nhà ông Nguyễn Hồng Thủy	Nhà ông Thái Muộn	0,140	-	-	-	0,140	
	Tuyến đường từ nhà bà Lê Thị Hà đến nhà ông Nguyễn Văn Dư (TDP Nhuận An)	Nhà bà Lê Thị Hà	Nhà ông Nguyễn Văn Dư	0,200	-	-	-	0,200	
	Tuyến đường từ nhà ông Huỳnh Lê đến nhà ông Nguyễn Trung Quốc (TDP Nhuận An)	Nhà ông Huỳnh Lê	Nhà ông Nguyễn Trung Quốc	0,140	-	-	-	0,140	
	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Hương đến nhà ông Nguyễn Hữu Hoàng (TDP Nhuận An)	Nhà bà Nguyễn Thị Hương	Nhà ông Nguyễn Hữu Hoàng	0,280	-	-	-	0,280	
	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Quốc Toàn đến nhà bà Nguyễn Thị Ninh (TDP Nhuận An)	Nhà ông Nguyễn Quốc Toàn	Nhà bà Nguyễn Thị Ninh	0,170	-	-	0,170	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Vũ Xuân Phúc đến nhà ông Thái Hùng (TDP Nhuận An)	Nhà ông Vũ Xuân Phúc	Nhà ông Thái Hùng	0,240	-	-	-	0,240	
9.13	TDP Mỹ Khánh								
	Tuyến đường từ nhà ông Thắm đến cây Sộp (TDP Mỹ Khánh)	Nhà ông Thắm	Cây Sộp	0,680	0,680	-	-	-	
9.14	TDP Xuân Vinh								
	Tuyến đường từ quán Chung đến nhà ông Hoàng (TDP Xuân Vinh)	TUf Quán Chung	Nhà ông Hoàng	0,450	0,450	-	-	-	
9.15	TDP Công Lương								
	Tuyến đường từ quán cà phê Khánh Mỹ đến trạm xăng số 27 (TDP Mỹ Khánh)	Quán cà phê Khánh Mỹ	Trạm xăng số 27	0,340	0,340	-	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Sinh đến nhà ông Tuấn (TDP Công Lương)	Nhà ông Sinh	Nhà ông Tuấn	0,050	-	-	-	0,050	
10	PHƯỜNG HOÀI NHƠN NAM			2,154	-	2,154	-	-	
10.1	Khu phố Vĩnh Phụng 1								
	Tuyến đường từ Gara Trung giáp đường Trường Chinh đến bờ kè Lại Giang	Giáp Đường Trường Chinh (nhà Gara Trung)	Đến giáp đường bờ kè Lại Giang	0,072	-	0,072	-	-	
	Tuyến đường từ nhà Loan giáp đường Trường Chinh đến bờ kè Lại Giang	Giáp Đường Trường Chinh (đối diện nhà Loan)	Đến giáp đường bờ kè Lại Giang	0,030	-	0,030	-	-	
10.2	Khu phố Vĩnh Phụng 2								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường từ nhà Danh đến nhà Cảnh	Từ nhà Danh	Đến nhà Cảnh	0,239	-	0,239	-	-	
10.3	Khu phố Thuận Thượng 2								
	Tuyến đường từ nhà thầy Búp giáp đường Trường Chinh đến nhà Bốn	Từ giáp đường Trường Chinh (nhà Thầy Búp)	đến nhà Bốn	0,243	-	0,243	-	-	
10.4	Khu phố Hòa Trung 1								
	Tuyến đường từ miếu xóm 2 tới nhà ông Sâm	Giáp đường Vạn Thắng (Miếu xóm 2 Hoài Trung 1)	đến giáp bê tông hiện trạng	0,100	-	0,100	-	-	
10.5	Khu phố Giao Hội 1								
	Tuyến đường từ nhà Chính đến nhà My	Giáp đường Hồ Sĩ Tạo (đoạn nhà Chính)	Đến nhà My	0,270	-	0,270	-	-	
10.6	Khu phố Giao Hội 2								
	Tuyến đường từ nhà ông Sí giáp đường Hoàng Diệu đến giáp đường gom của cao tốc	Giáp đường Hoàng Diệu (đoạn nhà ông Sí)	Đến đường gom cao tốc	0,570	-	0,570	-	-	
10.7	Khu phố Đức 1								
	Tuyến đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Phùng	Giáp đường Nguyễn Đức Cảnh (đoạn nhà ông Thành)	Đến nhà ông Phùng	0,400	-	0,400	-	-	
10.8	Khu phố An Dương 1								
	Tuyến đường dọc kênh Lại Giang từ giáp đường Ngô Đức Đệ đến đường Đàm Quang Trung	Giáp đường Ngô Đức Đệ dọc kênh Lại Giang	đến giáp đường Đàm Quang Trung	0,230	-	0,230	-	-	
11	PHƯỜNG HOÀI NHƠN TÂY			9,330	0,140	6,695	2,455	0,040	
11.1	Tổ dân phố Tân Thạnh 2								
	Đường BTXM tổ dân phố Tân Thạnh 2; hạng mục: Tuyến đường Giáp đường Nguyễn Văn Cừ - Thành; Tuyến đường giáp bê tông - nhà Thềm.	Đường Nguyễn Văn Cừ	Nhà Thềm	1,500	-	1,500	-	-	
11.2	Tổ dân phố Cự Lễ 1								
	Đường BTXM tổ dân phố Cự Lễ 1; hạng mục: ngõ Loan; tuyến Ngã ba Thân đến cây sanh đồng lách,	Ngõ Loan	Đồng Lách	0,730	-	0,730	-	-	
11.3	Tổ dân phố Cự Lễ 2								
	Đường BTXM tổ dân phố Cự Lễ 2; Hạng mục: Từ ngõ Chanh đến Ngõ Càng	Ngõ chanh	Ngõ càng	0,375	-	0,375	-	-	
11.4	Tổ dân phố Mỹ Bình 3								
	Đường BTXM tổ dân phố Mỹ Bình 3; Hạng mục: Tuyến ngõ Phạm Quân, tuyến ngõ Lê văn Ty, Tuyến ngõ Thân Hữu Trinh, Tuyến ngõ trần Văn sơn, Tuyến ngõ Võ Văn Triều, tuyến ngõ Màng, tuyến ngõ Huỳnh nhậm	Đường bê tông	Ngõ Ty, ngõ Quân, ngõ Trinh, ngõ Sơn, ngõ Triều, ngõ Màng, ngõ Nhậm	0,385	-	0,245	0,140	-	
11.5	Tổ dân phố Lương Thọ 1								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường BTXM tổ dân phố Lương Thọ 1; Hạng mục: Tuyến từ ngõ Giọng đến đến nghĩa địa 17, Tuyến ngõ Thông đến ngõ Trung; Tuyến ngõ Minh đến ruộng Trinh	Đường bê tông	Nghĩa địa, ngõ trung, ngõ trinh	1,660	-	-	1,660	-	
11.6	Tổ dân phố Lương Thọ 2								
	Đường BTXM tổ dân phố Lương Thọ 2; Hạng mục: Tuyến từ ngõ Bay đến ngõ Trĩ, tuyến từ ngõ Trĩ đến ngõ Thông	Ngõ Bay	Ngõ Thông	1,170	-	0,900	0,270	-	
	Đường BTXM tuyến từ trạm y tế đến ngõ Dũng	Trạm y tế	Ngõ Dũng	0,510	-	0,510	-	-	
11.7	Tổ dân phố Hội Phú								
	Đường BTXM tổ dân phố Hội phú; hạng mục:Tuyến đường bê tông - ngõ Ngự, ngõ Tin, ngõ Hương, ngõ Thịnh, ngõ Mười, ngõ Cẩm, ngõ Sắt, ngõ Như, ngõ Đệ, ngõ Trinh, ngõ Em	Đường bê tông	Ngõ Ngự, ngõ Tin, ngõ Hương, ngõ Thịnh, ngõ Mười, ngõ Cẩm, ngõ Sắt, ngõ Như, ngõ Đệ, ngõ Trinh, ngõ Em	0,735	-	0,735	-	-	
	Đường BTXM tổ dân phố Hội phú; hạng mục:Tuyến đường bê tông - ngõ Tiếp, ngõ Sáu, ngõ Đình, ngõ Được, ngõ Vương	Đường bê tông	Ngõ Sáu, ngõ Đình, ngõ Được, ngõ Vương	0,385	-	-	0,385	-	
11.8	Tổ dân phố dân phố Phụng Du 1								
	Đường BTXM tổ dân phố Phụng Du 1; Hạng mục: Tuyến từ đường Lê Hồng Phong đến ngõ Độ; Tuyến từ đường Lê Hồng Phong đến ngõ Lang; Tuyến từ đường Lê Hồng Phong đến ngõ Đào	Đường Lê Hồng Phong	Ngõ Độ, ngõ Lang, ngõ Đào	0,460	0,140	0,320	-	-	
11.9	Tổ dân phố Phụng Du 2								
	Đường BTXM tổ dân phố Phụng Du 2: Tuyến từ đường gom đường sắt đến đất thổ, tuyến từ đường Nguyễn văn cử đến nhà kim	Đường Nguyễn Văn Cử	đất thổ, nhà Kim	0,500	-	0,500	-	-	
	Đường BTXM tuyến kết nối Tổ Phụng Hòa đến đường Gom	Đường Gom	Phụng Hòa	0,340	-	0,340	-	-	
11.10	Tổ dân phố Mỹ Bình 1								
	Đường BTXM tuyến nội đồng ngõ Thi ra bờ suối xóm 6	Ngõ Thi	Bờ suối xóm 6	0,270	-	0,270	-	-	
	Đường BTXM tuyến tuyến từ đường bê tông - ngõ Lưu, ngõ Tá, ngõ Bình	Đường bê tông	Ngõ Lưu, ngõ Tá, ngõ Bình	0,090	-	0,050	-	0,040	
11.11	Tổ dân phố Tân Thạnh 1								
	Đường BTXM tuyến từ đường Bùi Đức Sơn đến giáp đường Nguyễn Lữ	Đường Bùi Đức Sơn	Đường Nguyễn Lữ	0,220	-	0,220	-	-	
12	PHƯỜNG QUY NHƠN	-	-		-	-	-	-	Không đăng ký

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
13	PHƯỜNG QUY NHƠN BẮC	-	-		-	-	-	-	Không đăng ký
14	PHƯỜNG QUY NHƠN ĐÔNG	-	-		-	-	-	-	Không đăng ký
15	PHƯỜNG QUY NHƠN NAM	-	-		-	-	-	-	Không đăng ký
16	PHƯỜNG QUY NHƠN TÂY			1,520	-	-	-	1,520	
16.1	Khu phố 1								
	Tuyến hẻm từ nhà ông Bằng đến nhà ông Hùng, tổ 6 khu phố 1	Nhà ông Bằng	Nhà ông Hùng	0,070	-	-	-	0,070	
16.2	Khu phố 2								
	Tuyến hẻm từ nhà bà Cà đến nhà ông Lâm, tổ 7 khu phố 2	Nhà bà Cà	Nhà ông Lâm	0,100	-	-	-	0,100	
	Tuyến hẻm từ nhà ông Hùng đến nhà bà Cam, tổ 7 khu phố 2	Nhà ông Hùng	Nhà bà Cam	0,150	-	-	-	0,150	
16.3	Khu phố 3								
	Tuyến hẻm từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Trình, tổ 1 khu phố 3	Nhà ông Hoàng	Nhà ông Trình	0,150	-	-	-	0,150	
	Tuyến hẻm từ nhà ông Hoà đến nhà ông Sinh, tổ 2 khu phố 3	Nhà ông Hòa	Nhà ông Sinh	0,100	-	-	-	0,100	
	Tuyến hẻm từ nhà ông Giao đến nhà ông Thọ, tổ 2 khu phố 3	Nhà ông Giao	Nhà ông Thọ	0,100	-	-	-	0,100	
	Tuyến hẻm từ nhà ông Thanh đến nhà bà Nga, tổ 3 khu phố 3	Nhà ông Thanh	Nhà bà Nga	0,300	-	-	-	0,300	
	Tuyến hẻm từ nhà ông Đào đến nhà ông Năng, tổ 5 khu phố 3	Nhà ông Đào	Nhà ông Năng	0,300	-	-	-	0,300	
	Tuyến hẻm từ nhà bà Vân đến nhà bà Hồng, tổ 7 khu phố 3	Nhà bà Vân	Nhà bà Hồng	0,250	-	-	-	0,250	
17	PHƯỜNG TAM QUAN			4,864	-	4,864	-	-	
17.1	Khu phố Tân Trung								
	BTXM Tuyến đường từ nhà văn hóa thôn Tân Trung - Ngõ Nghiêm	Nhà văn hóa KP Tân Trung	Ngõ Nghiêm	0,221	-	0,221	-	-	
17.2	Khu phố An Quý Bắc								
	BTXM Tuyến đường từ ngõ Tín - Ngõ Bình	Ngõ Tín	Ngõ Bình	0,428	-	0,428	-	-	
17.3	Khu phố Hội An Tây								
	BTXM Tuyến đường từ Tân Trung, Hội An - Giáp đường bê tông Hội An Tây	Đường bê tông	Giáp đường bê tông Hội An Tây	0,815	-	0,815	-	-	
17.4	Khu phố 1								
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Trí đến nhà bà Nhiên và nhánh rẽ đến nhà ông Hải	Ngõ Trí	Ngõ Hải	0,900	-	0,900	-	-	
17.5	Khu phố 2								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	BTXM tuyến đường từ đường Triệu Việt Vương đến đường Lê Văn Lương	Đường Triệu Việt Vương	Đường Lê Văn Lương	0,300	-	0,300	-	-	
17.6	Khu phố 3								
	BTXM tuyến đường từ nhà Lê Văn Thuộc đến nhà ông Đặng Đức Sáu	Ngõ Thuộc	Ngõ Sáu	0,300	-	0,300	-	-	
17.7	Khu phố 4								
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Đức đến đường Lý Thường Kiệt	Ngõ Đức	Đường Lý Thường Kiệt	0,200	-	0,200	-	-	
	BTXM tuyến đường từ đường Âu Lạc (nhà Phan Hoàng) đến đường Ngô Văn Sở	Đường Âu Lạc	Đường Ngô Văn Sở	0,300	-	0,300	-	-	
17.8	Khu phố 7								
	BTXM tuyến đường từ trại gỗ ông Tinh đến trường Tiểu học số 1	Ngõ Tinh	Trường tiểu học số 1	0,300	-	0,300	-	-	
17.9	Khu phố 9								
	BTXM tuyến đường từ hồ tôm ông Sơn đến nhà bà Ca	Hồ tôm ông Sơn	Ngõ Ca	0,500	-	0,500	-	-	
	BTXM tuyến đường từ đường Trần Thủ Độ đến nhà ông Tường	Đường Trần Thủ Độ	Ngõ Tường	0,600	-	0,600	-	-	
18	XÃ AN HẢO			1,318	0,098	1,220	-	-	
18.1	Tuyến đường từ ĐT 629 đến nghĩa trang Liệt sĩ	ĐT 629	Nghĩa trang Liệt sĩ	0,098	0,098	-	-	-	
18.2	Xây dựng tuyến đường vào khu ngã địa thôn Hội Trung	Mương cấp I	Ngã địa thôn Hội Trung	0,370	-	0,370	-	-	
18.3	Tuyến đường từ Tân Xuân đến Thác đổ	Từ Tân Xuân	Đến Thác đổ	0,320	-	0,320	-	-	
18.4	Tuyến đường từ Nhà văn Hoá thôn Đại Định đến Trường tiểu học	Nhà văn Hoá thôn Đại Định	Đến Trường tiểu học	0,530	-	0,530	-	-	
19	XÃ AN HÒA			0,440	-	0,440	-	-	
19.1	Thôn Vạn Xuân								
	Tuyến từ đường ĐH.04B ra soi Vạn Xuân	Giáp đường ĐH.04B	Cuối soi sản xuất thôn Vạn Xuân	0,400	-	0,400	-	-	
19.2	Thôn Hưng Nhượng								
	Tuyến từ nhà ông Xanh đến nhà ông Trung	Nhà ông Xanh	Nhà ông Trung	0,040	-	0,040	-	-	
20	XÃ AN LÃO			1,880	1,280	0,600	-	-	
20.1	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn Gò Bui	Đường Đinh Ruối	Đường ĐH.02	0,450	0,450	-	-	-	
20.2	Đường Bê tông nội đồng Đồng Bốc; Hóc Lim	Đường BT Nông thôn	Giáp ruộng	0,600	-	0,600	-	-	
20.3	Tuyến đường nội bộ khu giãn dân thôn 4	Đường Bê tông thôn	Giáp nhà dân	0,400	0,400	-	-	-	
20.4	Tuyến đường từ ngã 3 cầu Sông Đình đến giáp ngã 3 đường Đinh Ruối	Đường Tăng Bạt hổ	Đường Đinh Ruối	0,430	0,430	-	-	-	
21	XÃ AN LƯƠNG			5,391	-	1,679	1,172	2,540	
21.1	Thôn Đông An								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường từ nhà ông Thái Đình Trường đến nhà ông Võ Điền	Nhà ông Trường	Nhà ông Điền	0,110	-	-	0,110	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Lương Bá Thanh đến nhà ông Đoàn Văn Hạnh	Nhà ông Thanh	Nhà ông Hạnh	0,150	-	0,150	-	-	
	Tuyến đường từ bờ đê sông Cạn đến nhà ông Huỳnh Thanh Tuấn	Bờ đê Sông Cạn	Nhà ông Tuấn	0,150	-	0,150	-	-	
	Tuyến đường từ đường bê tông Thái An đến nhà bà Đỗ Thị Đậu	Đường BT thôn Thái An	Nhà bà Đậu	0,045	-	-	0,045	-	
21.2	Thôn Thái An								
	Tuyến đường từ nhà ông Trần Quốc Truyền đến nhà bà Trần Thị Đẹt	Nhà ông Truyền	Nhà bà Đẹt	0,070	-	-	-	0,070	
	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Chưa đến nhà bà Phạm Thị Sanh	Nhà bà Chưa	Nhà bà Sanh	0,055	-	-	-	0,055	
	Tuyến đường từ nhà ông Trần Văn Đoán đến nhà ông Nguyễn Hữu Tài	Nhà ông Đoán	Nhà ông Tài	0,048	-	0,048	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Trần Bình Trọng đến giáp đường bê tông ruộng nhà ông Chánh	Nhà ông Trọng	Ruộng nhà ông Chánh	0,070	-	-	-	0,070	
	Tuyến đường từ nhà bà Lưu Thị Khánh đến nhà ông Nguyễn Công Trứ	Nhà bà Khánh	Nhà ông Trứ	0,110	-	-	-	0,110	
	Tuyến đường từ nhà ông Huỳnh Hữu Thọ đến giáp đường Thái An xuống Lương Trung	Nhà ông Thọ	Giáp đường Thái An đi Lương Trung	0,065	-	0,065	-	-	
	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Mai đến giáp đường ra xóm Cái	Nhà bà Mai	Giáp đường ra xóm Cái	0,055	-	-	-	0,055	
21.3	Thôn Lương Thái								
	Tuyến đường từ nhà ông Phúc đến nhà ông Hạ	Nhà ông Phúc	Nhà ông Hạ	0,100	-	-	0,100	-	
	Tuyến đường từ nhà bà Sương đến nhà ông Tiến	Nhà bà Sương	Nhà ông Tiến	0,075	-	-	0,075	-	
21.4	Thôn An Xuyên 1								
	Các tuyến đường giao thông nội bộ xóm Xuyên Hương								
	Đoạn 1: từ nhà ông Đỗ Văn Dũng đến nhà ông Ngô Văn Ớt	Nhà ông Dũng	Nhà ông Ớt	0,386	-	-	-	0,386	
	Đoạn 2: Từ giáp đường trục thôn An Xuyên 1 đến nhà ông Đặng Ngọc Trinh	Giáp đường trục thôn An Xuyên 1	Nhà ông Trinh	0,070	-	-	0,070	-	
	Đoạn 3: Từ nhà bà Phạm Thị Xuân đến nhà ông Phạm Văn Trúc	Nhà bà Xuân	Nhà ông Trúc	0,152	-	-	0,152	-	
21.5	Thôn An Xuyên 3								
	Từ nhà ông Đỗ Lộc đến nhà ông Nguyễn Chí Hường	Nhà ông Lộc	Nhà ông Hường	0,050	-	-	-	0,050	
21.6	Thôn An Hòa								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Xuân Đài đến đường kết nối ĐT.638 - ĐT.639	Nhà ông Đài	Giáp đường kết nối ĐT.638-ĐT.639	0,110	-	-	0,110	-	
21.7	Thôn Công Trung								
	Tuyến đường từ nhà ông Tùng đến nhà ông Vân	Nhà ông Tùng	Nhà ông Vân	0,045	-	-	0,045	-	
	Tuyến đường từ ngã ba nhà ông Luận đến giáp đường vào hồ Hồ Trạch	Ngã ba nhà ông Luận	Giáp đường vào hồ Hồ Trạch	0,355	-	0,355	-	-	
21.8	Thôn Trung Xuân								
	Tuyến đường từ nhà ông Trương Tám đến nhà ông Trương Văn Hải	Nhà ông Tám	Nhà ông Hải	0,075	-	-	-	0,075	
21.9	Thôn Hòa Hội Bắc								
	Tuyến đường từ nhà ông Trần Tuấn Phong đến đồng Đám Bôi	Nhà ông Phong	Đồng Đám Bôi	0,050	-	0,050	-	-	
21.10	Thôn Xuân Bình Bắc								
	Tuyến đường từ đường ĐT.639 đến nhà ông Lê Đình Danh	ĐT.639	Nhà ông Danh	0,030	-	0,030	-	-	
	Từ nhà bà Hồ Thị Quýt đến nhà ông Nguyễn Chiêu	Nhà bà Quýt	Nhà ông Chiêu	0,035	-	0,035	-	-	
21.11	Thôn Xuân Bình Nam			-					
	Tuyến đường từ nhà ông Có đến nhà ông Vinh	Nhà ông Có	Nhà ông Vinh	0,030	-	-	-	0,030	
	Tuyến đường từ ĐT.632 đến nhà ông Thân	ĐT.632	Nhà ông Thân	0,035	-	-	-	0,035	
21.12	Thôn Vĩnh Lợi 1								
	Tuyến đường từ nhà bà Dương Thị Hiệu đến nhà ông Nguyễn Đức Mạnh	Nhà bà Hiệu	Nhà ông Mạnh	0,100	-	0,100	-	-	
21.13	Thôn Vĩnh Lợi 2								
	Tuyến đường từ nhà bà Trần Thị Dung đến nhà ông Hồ Văn Danh	Nhà bà Dung	Nhà ông Danh	0,100	-	-	-	0,100	
	Từ nhà ông Phan Thanh Hùng đến nhà ông Trần Văn Diệu	Nhà ông Hùng	Nhà ông Diệu	0,100	-	-	-	0,100	
21.14	Thôn Vĩnh Lợi 3								
	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Bảy đến nhà ông Hồ Văn Thảo	Nhà bà Bảy	Nhà ông Thảo	0,200	-	0,200	-	-	
21.15	Thôn Hội Thuận								
	Tuyến đường từ đường Nhà Đá - An Lương đến Nghĩa trang nhân dân cũ	Đường Nhà Đá - An Lương	Nghĩa trang nhân dân cũ	0,120	-	0,120	-	-	
21.16	Thôn Chánh Hội								
	Tuyến đường từ nhà ông Minh đến nhà ông Bốn	Nhà ông Minh	Nhà ông Bốn	0,150	-	-	0,150	-	
21.17	Thôn Trinh Long Khánh								
	Tuyến đường từ nhà ông Tăng Hồng Vương đến nhà Nguyễn Ngọc Vui	Nhà ông Vương	Nhà ông Vui	0,050	-	0,050	-	-	
	Đoạn còn lại thuộc tuyến đường từ Trường THCS Mỹ Cát đến quán 6 Cẩn	Giáp đoạn đã thi công	Quán 6 Cẩn	0,076	-	0,076	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
21.18	Thôn An Mỹ								
	Các tuyến đường giao thông nội bộ xóm Đông An								
	Đoạn 1: Từ nhà ông Trần Xuân Cường đến nhà ông Phạm Đại Dân	Nhà ông Cường	Nhà ông Dân	0,338	-	-	-	0,338	
	Đoạn 2: Từ nhà ông Lê Văn Tám đến nhà ông Phạm Đông Hiếu	Nhà ông Tám	Nhà ông Hiếu	0,333	-	-	-	0,333	
	Đoạn 3: Từ nhà ông Lê Văn Ty đến nhà ông Trần Kim Phấn	Nhà ông Ty	Nhà ông Phấn	0,315	-	-	0,315	-	
	Đoạn 4: Từ nhà ông Hồ Phú đến nhà ông Cáp Văn Tùng	Nhà ông Phú	Nhà ông Tùng	0,490	-	-	-	0,490	
	Đoạn 5: Từ ngã ba tuyến nhà ông Hồ Phú đến nhà ông Phạm Thế Mỹ	Ngã ba tuyến nhà ông Phú	Nhà ông Mỹ	0,243	-	-	-	0,243	
21.21	Thôn Lương Trung								
	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Văn Sửu đến bờ đê sông cạn	Nhà ông Sửu	Bờ đê sông Cạn	0,250	-	0,250	-	-	
22	XÃ AN NHON TÂY			2,217	-	2,217	-	-	
22.1	Tuyến xóm Gò Sơn từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Lê Văn Thành	Đường bê tông	Ông Lê Văn Thành	0,100	-	0,100	-	-	
22.2	Tuyến từ đường bê tông xóm Xuân Điền 2 đến nhà ông Trần Văn Tuấn	Đường bê tông	Nhà ông Trần Văn Tuấn	0,025	-	0,025	-	-	
22.3	Tuyến đường Xuân Điền 2 từ đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Ngọc Diệp	Đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Ngọc Diệp	0,056	-	0,056	-	-	
22.4	Tuyến đường Xuân Điền 2 từ đường bê tông đến nhà bà Lê Thị Hoàng	Đường bê tông	Nhà bà Lê Thị Hoàng	0,060	-	0,060	-	-	
22.5	Tuyến đường Xuân Điền 2 từ đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Thanh Tùng	Đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Thanh Tùng	0,055	-	0,055	-	-	
22.6	Từ bê tông xóm Xuân Điền 1 đến nhà Mạc Thế Vinh	Đường bê tông	Nhà ông Mạc Thế Vinh	0,021	-	0,021	-	-	
22.7	Từ bê tông xóm Xuân Thạnh đến nhà ông Nguyễn Ngọc Bảy	Đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Ngọc Bảy	0,050	-	0,050	-	-	
22.8	Từ đường xóm Tân An nhà ông Lương Văn Phùng nhà bà Tô Thị Loan	Đường bê tông	Nhà bà Tô Thị Loan	0,060	-	0,060	-	-	
22.9	Tuyến xóm An Tượng A từ nhà ông Nguyễn Văn Tuấn đến nhà ông Nguyễn Văn Tài	Nhà ông Nguyễn Văn Tuấn	Nhà ông Nguyễn Văn Tài	0,050	-	0,050	-	-	
22.10	Tuyến đường ĐH 36 đến nhà ông Phạm Quân	Đường ĐH 36	Nhà ông Phạm Trung	0,060	-	0,060	-	-	
22.11	Tuyến đường bê tông xóm Hòn Tượng A đến nhà ông Mai Hồng Anh	Đường bê tông xóm Hòn Tượng A	Nhà ông Mai Hồng Anh	0,070	-	0,070	-	-	
22.12	Tuyến đường từ kênh N2 đến nhà ông Bùi Ngọc Bích Phương	Đường bê tông xóm Hòn Tượng A	Nhà ông Mai Hồng Anh	0,200	-	0,200	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
22.13	Tuyến từ bê tông Hóc Củng đến nhà ông Trần Văn Lập	Đường bê tông	Trần Văn Lập	0,060	-	0,060	-	-	
22.14	Tuyến từ bê tông Đá Bàn đến đường rẽ nhà ông Phạm Văn Tri	Đường bê tông	Nhà ông Phạm Văn Tri	0,900	-	0,900	-	-	
22.15	Tuyến từ bê tông Hóc Củng đến nhà ông Huỳnh Kim Nhân	Đường bê tông	Huỳnh Kim Nhân	0,120	-	0,120	-	-	
22.16	Tuyến từ bê tông Đá Bàn đến nhà ông Hồ Viết	Đường bê tông Đá Bàn	Nhà ông Hồ Viết	0,300	-	0,300	-	-	
22.17	Tuyến từ bê tông Đá Bàn đến nhà bà Phạm Thị Dân	Đường bê tông	Phạm Thị Dân	0,030	-	0,030	-	-	
23	XÃ AN TOÀN	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng lý
24	XÃ AN TUỒNG			3,725	1,260	2,405	0,060	-	
24.1	Tên tuyến: Nâng cấp đường nội đồng tuyến Hồ Hóc Mỹ đi ruộng cận đội 5	Giáp đường liên thôn Liên Hội-Hội Nhon	Giáp Đường nội đồng cây me	0,985	-	0,985	-	-	
24.2	Tên tuyến: Xây dựng tuyến đường từ Trạm bơm Xuân Sơn đi khu tưởng niệm chiến thắng Đồi Xuân Sơn	Giáp đường bê tông tại Trạm bơm	Khu tưởng niệm chiến thắng Đồi Xuân Sơn	1,050	1,050	-	-	-	
24.3	Tên tuyến: Xây dựng tuyến đường Quảng trường trung tâm xã	Đường liên xã	Đường bê tông số 2 thôn Liên Hội	0,210	0,210	-	-	-	
24.4	Tên tuyến: Nâng cấp Tuyến từ đường Liên thôn - Rộc Ồi đến trại ông Sinh - Nhà ông Phó (đoạn nhà ông Phó đến trại ông Sinh)	Giáp bê tông liên thôn	Rộc ỏi	0,100	-	0,100	-	-	
24.5	Tên tuyến: Tuyến từ nhà ông Ngô Châu Thỉnh đến nhà ông Chà	Giáp bê tông nhà ông Thỉnh	Đến nhà ông Chờ	0,100	-	0,100	-	-	
24.6	Tên tuyến: Nâng cấp tuyến đường ĐT630 - Nghĩa địa Gò Sắt (thôn Phú Khương)	Giáp ĐT630	Nghĩa địa Gò Sắt	0,550	-	0,550	-	-	
24.7	Tên tuyến: Tuyến Bàng Tin - Nhà ông Lợi (Tân Thịnh)	Giáp bê tông Bàng tin	Đến nhà ông Lợi	0,050	-	0,050	-	-	
24.8	Tên tuyến: Tuyến từ nhà ông 2 Diệu đến nhà ông Nam	Giáp bê tông xóm	Đến nhà ông Nam	0,060	-	-	0,060	-	
24.9	Tên tuyến: Tuyến đường từ nhà Ông Vinh đi công cây me Hội Nhon	Giáp bê tông xóm	Giáp Đường nội đồng cây me	0,620	-	0,620	-	-	
25	XÃ AN VINH	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng lý
26	XÃ BÌNH AN			0,650	-	-	0,650		
	Tuyến đường giao thông nội đồng từ ĐH 28 đến bờ bạn	ĐH 28	Bờ bạn	0,650	-	-	0,650	-	
27	XÃ BÌNH DƯƠNG			0,450	-	0,200	0,250	-	
27.1	BTXM giao thông nội đồng khu phố Dương Liễu Bắc	Đường BTXM hiện	Đập Quang	0,130	-	-	0,130	-	
27.2	BTXM cấp phối đường và cầu qua ruộng Rộc Hướng	Đường BTXM hiện	Giáp đồng ruộng	0,120	-	-	0,120	-	
27.3	BTXM đường từ ngõ ông Phụng đi Đàm Trà Ổ	Đường bê tông hiện trạng (Nhà ông Phụng)	Đàm Trà Ổ	0,200	-	0,200	-	-	
28	XÃ BÌNH HIỆP	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng lý
29	XÃ BÌNH KHÊ			7,650	-	7,650	-	-	
29.1	Đường bê tông nội đồng từ Rộc Cầu đến Đập Xước	Rộc cầu	Đập xước	0,420	-	0,420	-	-	
29.2	Đường từ nhà ông Lê Văn Phước đến bầu Hải Nam đến Trường bắn	Nhà ông Lê Văn Phước	Trường bắn	0,800	-	0,800	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
29.3	Đường nội đồng từ QL19 đến Gò Trại	QL19	Gò Trại	0,400	-	0,400	-	-	
29.4	Đường từ nhà ông Lê Văn Mai xóm 2 đến ruộng đồng Tràm	Nhà ông Lê Văn Mai	Đồng Tràm	0,500	-	0,500	-	-	
29.5	Đường từ nhà ông Lâm Văn Thiện đến ruộng đồng xạ	Nhà ông Lâm Văn Thiện	Đồng Xạ	0,200	-	0,200	-	-	
29.6	Đường từ Gò Thị đến rộc Dờ	Gò Thị	Rộc dờ	0,500	-	0,500	-	-	
29.7	Đường từ kênh thủy điện đến bàu bà Xuyên	Kênh thủy điện	Bàu bà xuyên	0,580	-	0,580	-	-	
29.8	Đường dọc sông từ nhà ông Đỗ Văn Hạ đến nhà Văn hoá thôn Hữu Giang	Nhà ông Đỗ Văn Hạ	Nhà Văn hoá thôn Hữu Giang	0,700	-	0,700	-	-	
29.9	Đường từ nhà ông Lùn xóm 4 đến bảng tin xóm 3	Nhà ông Lùn	Bảng tin xóm 3	1,200	-	1,200	-	-	
29.10	Đường từ Rộc bờ tre đến kênh Hồ Định Bình, đến đèo đá Dăng	Rộc bờ tre	Đèo đá Dăng	0,850	-	0,850	-	-	
29.11	Đường từ xóm 8 đến nhà ông Lê Văn Ba đồng Hào	Xóm 8	Nhà ông Lê Văn Ba	1,500	-	1,500	-	-	
30	XÃ BÌNH PHÚ			2,220	0,400	1,820	-	-	
30.1	BTXM đường giao thông tuyến từ tràn suối Cỏ Cò đến thôn Phú Hòa	Tràn suối Cỏ Cò	Thôn Phú Hòa	0,620	-	0,620	-	-	
30.2	Đường Chợ Gò Cu	Nhà ông Huy	Bến Khế	0,400	0,400	-	-	-	
30.3	BTXM từ đường đi Nam Giang đến nhà ông Tình	Nam Giang	Nhà ông Tình	0,220	-	0,220	-	-	
30.4	Nhà ông Trạch đến nhà ông Thắng	Nhà ông Trạch	Nhà ông Thắng	0,550	-	0,550	-	-	
30.5	BTXM từ Cầu Thư đến nhà bà Lê Thị Xê	Cầu Thư	Nhà bà Lê Thị Xê	0,430	-	0,430	-	-	
31	XÃ CANH LIÊN			0,500	-	0,500	-	-	
31.1	Làng Cát								
	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Vơn đến đường BTXM dốc Gia Co, từ trường mẫu giáo cũ đến Nhà văn hóa mới làng Cát	Nhà ông Vơn; Trường mẫu giáo	Dốc Gia Co; Nhà văn hóa	0,500	-	0,500	-	-	
32	XÃ CANH VINH			8,900	2,800	4,740	1,270	0,090	
32.1	Tuyến từ nhà ông Đoàn Văn Cường đến nhà ông Đoàn Văn Càng, làng Hiệp Hưng	Nhà ông Đoàn Văn Cường	Nhà ông Đoàn Văn Càng	0,040	-	-	-	0,040	
32.2	Tuyến từ nhà bà Nguyễn Thị Mí đến nhà ông Nguyễn Văn Do, làng Hiệp Hưng	Nhà bà Nguyễn Thị Mí	Nhà ông Nguyễn Văn Do	0,050	-	-	-	0,050	
32.3	Tuyến từ nhà ông Văn Vương đến nhà bà Đặng Thị Lành, làng Hiệp Hưng	Nhà ông Văn Vương	Nhà bà Đặng Thị Lành	0,080	-	-	0,080	-	
32.4	Tuyến từ nhà ông Đinh Bá Cầm đến nhà bà Đoàn Thị Chung, làng Suối Đá	Nhà ông Đinh Bá Cầm	Nhà bà Đoàn Thị Chung	0,050	-	-	0,050	-	
32.5	Tuyến từ nhà bà Đoàn Thị Mai đến nhà bà Đoàn Thị Chì, làng Suối Đá	Nhà bà Đoàn Thị Mai	Nhà bà Đoàn Thị Chì	0,070	-	-	0,070	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
32.6	BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Tho đến nhà ông Phạm Văn Tá, thôn An Long 1	Nhà ông Nguyễn Văn Tho, Thôn An Long 1	Nhà ông Phạm Văn tá, Thôn An Long 1	0,150	-	0,150	-	-	
32.7	Nâng cấp mở rộng đường BTXM từ QL19C đến Đập dâng Hà thanh 2 (cầu Bình Long cũ)	QL19C	Đập dâng Hà Thanh 2 (Cầu Bình Long cũ)	0,900	0,900	-	-	-	
32.8	Nâng cấp mở rộng đường BTXM từ QL19C đến nhà ông Nguyễn Hà Tú	QL19C	Nhà Ông nguyên Hà Tú	0,900	0,900	-	-	-	
32.9	BTXM từ nhà ông Nguyễn Chí Phương đến nhà ông Trương Văn Hiền, thôn Hiệp Vinh 1	Nhà ông: Nguyễn Chí Phương	Nhà ông: Trương Văn Hiền	0,350	-	-	0,350	-	
32.10	BTXM từ nhà ông Nguyễn Chưa đến nhà ông Đào Thanh Định, thôn Bình Long	Nhà ông Nguyễn Chưa, Bình Long	Nhà ông Đào Thanh Định, Bình Long	0,550	-	-	0,550	-	
32.11	BTXM từ nhà ông Đoàn Văn Cường đến nhà ông Đoàn Văn Càng, làng Hiệp Hưng	Đoàn Văn Cường	Đoàn Văn Càng	0,040	-	-	0,040	-	
32.12	BTXM từ nhà bà Nguyễn Thị Mí đến nhà ông Nguyễn Văn Do, làng Hiệp Hưng	Nguyễn Thị Mí	Nguyễn Văn Do	0,030	-	0,030	-	-	
32.13	BTXM từ nhà ông Đinh Bá Cầm đến nhà bà Đoàn Thị Chung, làng Suối Đá	Nhà ông Đinh Bá Cầm, làng Suối Đá	Nhà bà Đoàn Thị Chung, làng Suối Đá	0,060	-	0,060	-	-	
32.14	BTXM từ nhà bà Đoàn Thị Mai đến nhà bà Đoàn Thị Chi, làng Suối Đá	Đoàn Thị Mai	Đoàn Thị Chi	0,080	-	0,080	-	-	
32.15	BTXM từ nhà bà Đoàn Thị Cụt đến nhà bà Lê Thị Ngừ, làng Suối Đá	Đoàn Thị Cụt	Lê Thị Ngừ	0,050	-	0,050	-	-	
32.16	BTXM tuyến đường từ Ngã ba suối Cây Lợi đi đèo Đá Dựng	Ngã ba suối Cây Lợi	Đèo Đá Dựng	2,000	-	2,000	-	-	
32.17	BTXM từ QL19C đến đê sông Hà Thanh, thôn Hiệp Vinh 1	QL19C	đê sông Hà Thanh	0,020	-	0,020	-	-	
32.18	BTXM từ QL19C đến nhà ông Nguyễn Bá Cảnh, thôn Hiệp Vinh 2	QL19C	Nhà ông Nguyễn Bà Cảnh	0,060	-	-	0,060	-	
32.19	BTXM từ QL19C đến nhà ông Đặng Thành Dũng, thôn Hiệp Vinh 2	QL19C	Đặng Thành Dũng	0,050	-	-	0,050	-	
32.20	BTXM từ nhà bà Thái đến nhà bà Toàn, xóm 3 thôn Kinh Tế	Nhà bà Thái, thôn Kinh Tế	Nhà bà Toàn, thôn Kinh Tế	0,350	-	0,350	-	-	
32.21	BTXM tuyến đường từ suối bà Bảy đến ruộng 52 làng Canh Tiến	Suối Bà Bảy, Canh Tiến	Ruộng 52 làng Canh Tiến	1,500	-	1,500	-	-	
32.22	BTXM tuyến đường từ nhà bà Ngói đến nghĩa địa làng Canh Tiến	Nhà bà ngói, làng Canh Tiến	Nghĩa địa làng Canh Tiến	0,500	-	0,500	-	-	
32.23	BTXM tuyến đường từ Cầu lò Rèn đến đóc Sông Hà Thanh thôn Bình Long	Cầu lò Rèn	đóc sông Hà Thanh	0,020	-	-	0,020	-	
32.24	Xây dựng đường kết nối từ Cầu Hà Thanh thôn Tân Vinh vào KCN Becamex Bình Định	Cầu Hà Thanh, Tân Vinh	KCN Becamex Vinh Định	1,000	1,000	-	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
33	XÃ CÁT TIẾN			2,168	-	2,168	-	-	
33.1	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến. Tuyến từ nhà Nguyễn Văn Thanh - nhà Đào Tấn Lực.	Nguyễn Văn Thanh	Đào Tấn Lực	0,760	-	0,760	-	-	
33.2	Công trình: Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến; Tuyến từ ĐT.639 - nhà Thọ; Tuyến đường phía sau Trường tiểu học Chánh Oai; Tuyến đường từ ĐT 639 đến giáp đường BTXM nhà Nhanh, tuyến từ ĐT 639 đến Đá Trãi - Xóm 1 Tân Thanh; Tuyến từ nhà Nguyễn Thị Chùng đến trường Lương Hậu	Nguyễn Thị Chùng	Trường Lương Hậu	1,408	-	1,408	-	-	
34	XÃ ĐỀ GI			3,783	-	3,393	0,340	0,050	
34.1	Tuyến đường liên xóm thôn Đức Phổ 2	Nhà ông Ứng	Nhà ông Khanh	0,040	-	-	0,040	-	
34.2	Tuyến từ nhà Huỳnh Thị Lạc đến giáp đường Liên xóm (Thôn Đức Phổ 2)	Nhà Huỳnh Thị Lạc	Đường liên xóm	0,070	-	0,070	-	-	
34.3	Tuyến từ nhà Nguyễn Xuân Thành đến giáp đường Liên xóm (Thôn Đức Phổ 2)	Nhà Nguyễn Xuân Thành	Đường liên xóm	0,023	-	0,023	-	-	
34.4	Tuyến đường BTXM ở xóm Thanh Long (thôn Gia Thạnh) đến nhà bà Đinh Thị Mỹ Thúy	Đường BTXM liên thôn	Đinh Thị Mỹ Thúy	0,110	-	0,110	-	-	
34.5	Tuyến đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Ngọc Tiếng thôn Gia Thạnh) đến nhà ông Nguyễn Công Trứ	Nhà ông Nguyễn Ngọc Tiếng	Nhà ông Nguyễn Công Trứ	0,100	-	0,100	-	-	
34.6	Tuyến từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Khoa đi ra đường tránh núi gành trực đường ĐT.633 (thôn Ngãi An)	Nhà bà Nguyễn Thị Kim Khoa	Đường tránh núi gành trực đường ĐT.633	0,080	-	0,080	-	-	
34.7	Tuyến từ khu dân cư trên nhà ông Nguyễn Hải đi đến đường bê tông đến xuôi đá bàn (thôn Ngãi An)	Nhà ông Nguyễn Hải	Đến đường bê tông đến xuôi đá bàn	0,300	-	0,300	-	-	
34.8	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Thành Trung đến nhà nuôi yến của chị Mơ (thôn Thái Phú)	Nhà ông Nguyễn Thành Trung	Nhà nuôi yến của chị Mơ	0,150	-	0,150	-	-	
34.9	Tuyến đường Hẻm thôn An Quang Đông	Nhà Trần Thị Thu Thủy	Nhà Lê Thị Kim Tuyến	0,100	-	0,100	-	-	
34.10	Tuyến đường hẻm 1 thôn Phú Đông	Nhà Văn hóa thôn	Nhà Võ Thành Chơn	0,060	-	-	0,060	-	
34.11	Tuyến đường hẻm 2 thôn Phú Đông	Nhà Hồ Thám	Nhà Trần Thị Mai	0,060	-	-	0,060	-	
34.12	Tuyến đường hẻm Thôn Thái Bình	Nguyễn Văn Hành	Ngô Văn Đồng	0,400	-	0,400	-	-	
34.13	Tuyến từ Huỳnh Thúc Khả đến Nguyễn Thanh Vinh (thôn Phú Hiệp)	Từ Huỳnh Thúc Khả	Nguyễn Thanh Vinh	0,150	-	0,150	-	-	
34.14	Tuyến từ đường bê tông đến Đặng Thị Trinh (thôn Phú Hiệp)	Từ đường bê tông	Đặng Thị Trinh	0,030	-	0,030	-	-	
34.15	Tuyến từ bê tông đến Lưu Phước Hùng (thôn Phú Hiệp)	Từ bê tông	Lưu Phước Hùng	0,030	-	0,030	-	-	
34.16	Tuyến từ ĐT.633 đến nhà Võ Thị Tộ (thôn Hòa Hiệp)	ĐT.633	Nhà Võ Thị Tộ	0,080	-	-	0,080	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
34.17	Tuyến từ nhà Nguyễn Kiệt đến nhà Nguyễn Thị Khanh (thôn Hòa Hiệp)	Nhà Nguyễn Kiệt	Nguyễn Thị Khanh	0,050	-	-	-	0,050	
34.18	Đường BTXM nội đồng tuyến từ bê tông làng nghề đến đường liên thôn (Cánh An - Phú Hiệp)	Từ đường bê tông (Cánh An - Phú Hiệp)	đường BT Phú Hậu	1,000	-	1,000	-	-	
34.19	uyến từ nhà ông Phạm Minh Tâm đến nhà ông Lê Quang Thành (Thôn Thái Phú)	Ông Phạm Minh Tâm	Ông Lê Quang Thành	0,150	-	0,150	-	-	
34.20	Tuyến đường ra đồng sản xuất thôn Thái Thuận	Cầu Na Sa	Gò Cát	0,200	-	0,200	-	-	
34.21	Tuyến đường xóm thôn Thái Thuận (02 hộ dân)	Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Hồng	Giáp đường bê tông	0,100	-	-	0,100	-	
34.22	Tuyến đường nội đồng từ ĐT.633 (nhà bà Chung) đến KS4	ĐT.633	Đến KS4	0,300	-	0,300	-	-	
34.23	Tuyến 1 nối tiếp đường bê tông (Gò Dê) đến mộ bà Phan Thị Liên	Từ đường bê tông	Mộ bà Phan Thị Liên	0,100	-	0,100	-	-	
34.24	Tuyến 2 Ngã tư Bình Long (Rừng Hóc Bông) đến mộ ông Nguyễn Bá Cẩn	Ngã tư Bình Long	Mộ ông Nguyễn Bá Cẩn	0,100	-	0,100	-	-	
35	XÃ HÒA HỘI			12,992	-	1,210	11,296	0,486	
35.1	Tuyến đường nhà Yến 7 Nghĩa đi xóm Nam	Nhà yến 7 Nghĩa	Xóm Nam	1,000	-	-	1,000	-	
35.2	Kênh mương nội đồng	Đồng Đình	Hiệp Vinh	0,800	-	-	0,800	-	
35.3	Tuyến đường Nhà 6 Sơn Hiệp Chánh	Nhà 6 Sơn	Tây Tinh	0,500	-	-	0,500	-	
35.4	Tuyến đường Nhà Danh đi Đập Rừng Rinh	Tây tinh	Hiệp Đức	0,600	-	-	0,600	-	
35.5	Tuyến đường Ngõ Lẹ	Cổng Ngõ Lẹ	Hiệp Bắc	1,500	-	-	1,500	-	
35.6	Tuyến đường Duyên Hải Nam TB đi Hội Vân	Duyên Hải NTB	Hội Vân	1,700	-	-	1,700	-	
35.7	Tuyến đường Nhà ông Hùng	BT xóm Nam	Ra nhà	0,070	-	-	0,070	-	
35.8	Tuyến đường Nhà ông Hát	Từ đường	Nhà Hùng	0,800	-	-	0,800	-	
35.9	Tuyến đường Nhà ông Tấn	Đường nội đồng	Nhà Tấn	0,060	-	-	0,060	-	
35.10	Tuyến đường bê tông Nhà ông Tuấn	Đường bê tông	Nhà ông Tuấn	0,045	-	-	-	0,045	
35.11	Tuyến đường bê tông Nhà ông Hội	Đường bê tông	Nhà ông Hội	0,037	-	0,037	-	-	
35.12	Tuyến đường bê tông Nhà ông Thạch	Đường bê tông	Nhà ông Thạch	0,036	-	-	-	0,036	
35.13	Tuyến đường bê tông Nhà ông Đet	Đường bê tông	Đất bà Tiếc	0,135	-	0,135	-	-	
35.14	Tuyến đường bê tông Nhà ông Nhung	Đường bê tông	Nhà ông Nhung	0,051	-	-	0,051	-	
35.15	Tuyến đường bê tông Nhà ông Kham	Đường bê tông	Nhà ông Kham	0,030	-	0,030	-	-	
35.16	Tuyến đường bê tông Nhà ông Dũng	Đường bê tông	Nhà ông Dũng	0,028	-	0,028	-	-	
35.17	Tuyến đường bê tông Nhà bà Ngọc	Đường bê tông	Nhà bà Ngọc	0,055	-	-	-	0,055	
35.18	Tuyến đường bê tông Nhà ông Tuấn	Đường bê tông	Nhà ông Tuấn	0,070	-	0,070	-	-	
35.19	Tuyến đường bê tông Nhà ông Ích	Đường bê tông	Nhà ông Ích	0,065	-	0,065	-	-	
35.20	Tuyến đường bê tông Nhà ông Thanh	Đường bê tông	Nhà ông Thanh	0,070	-	0,070	-	-	
35.21	Tuyến đường bê tông từ nhà 6 Anh đi nhà ông Hòa	Từ nhà 6 Anh	Nhà Hòa	0,200	-	-	0,200	-	
35.22	Tuyến đường bê tông Nhà ông Trí	Đường bê tông	Nhà ông Trí	0,830	-	-	0,830	-	
35.23	Tuyến đường bê tông Nhà ông Bình	Đường bê tông	Nhà ông Bình	0,070	-	-	-	0,070	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
35.24	Tuyến đường bê tông Nhà bà Sen	Đường bê tông	Nhà bà Sen	0,045	-	0,045	-	-	
35.25	Tuyến đường bê tông Nhà ông Nam	Đường bê tông	Nhà ông Nam	0,150	-	0,150	-	-	
35.26	Tuyến đường bê tông liên xóm Nhà ông Thảo	Đường bê tông liên xóm	Nhà ông Thảo	0,070	-	-	0,070	-	
35.27	Tuyến đường bê tông xóm Bình Hòa	Từ Chợ	KDC Gò Xoài	0,200	-	0,200	-	-	
35.28	Tuyến đường bê tông từ Cầu Đập Đức đến nhà thờ Họ Võ	Cầu Đập Đức	Nhà thờ Họ Võ	0,380	-	0,380	-	-	
35.29	Tuyến đường bê tông ngõ xóm	Nhà 8 Giáo	Nhà Thu	0,090	-	-	0,090	-	
35.30	Tuyến đường bê tông Cây sữa- Nhà Đựng	Cây sữa	Nhà Đựng	0,260	-	-	0,260	-	
35.31	Tuyến đường bê tông nhà Hồng	TL 633	Nhà Hồng	0,350	-	-	0,350	-	
35.32	Tuyến đường bê tông nhà Vinh	TL 634	Nhà Vinh	0,095	-	-	0,095	-	
35.33	Tuyến đường bê tông nhà Phúc	Nhà Hoành	Nhà Phúc	0,050	-	-	0,050	-	
35.34	Tuyến đường bê tông nhà Kiểm	Nhà Kiểm	Nhà Cầu	0,080	-	-	-	0,080	
35.35	Tuyến đường bê tông nhà Tám	Nhà Tám	Nhà Khải	0,150	-	-	0,150	-	
35.36	Tuyến đường bê tông nhà Cẩm	Từ Vườn Xoài	Nhà Cẩm	0,060	-	-	0,060	-	
35.37	Tuyến đường bê tông nhà Hữu	Nhà Lại	Nhà Hữu	0,080	-	-	0,080	-	
35.38	Tuyến đường bê tông nhà Quý	BT Liên thôn	nhà Quý	0,300	-	-	0,300	-	
35.39	Tuyến đường bê tông nhà Đăng	TL 633	Nhà Đăng	0,190	-	-	0,190	-	
35.40	Tuyến đường bê tông nhà Phụng	BTXM	Nhà Sự	0,300	-	-	0,300	-	
35.41	Tuyến đường bê tông nhà Hoa	BTXM	Nhà Hoa	0,120	-	-	0,120	-	
35.42	Tuyến đường bê tông nhà Tuyết	BTXM	Nhà Tuyết	0,060	-	-	0,060	-	
35.43	Tuyến đường bê tông nhà Nhân	BTXM	Nhà Nhân	0,050	-	-	0,050	-	
35.44	Tuyến đường bê tông nhà Tuấn (Châu)	BTXM	Nhà Châu	0,030	-	-	0,030	-	
35.45	Tuyến đường bê tông nhà Huấn	BTXM	Nhà Huấn	0,120	-	-	0,120	-	
35.46	Tuyến đường bê tông nhà Chạy	BTXM	Nhà Chạy	0,050	-	-	0,050	-	
35.47	Tuyến đường nội đồng	Ngã tư	BTXM Vĩnh Long	0,550	-	-	0,550	-	
35.48	Tuyến đường nội đồng	Cầu Mận	BTXM Chánh An	0,210	-	-	0,210	-	
35.49	Tuyến đường ngã 3 nhà hợp xóm Hanh Nam	Ngã 3 Hanh Nam	Nhà Lực	0,200	-	-	-	0,200	
36	XÃ HOÀI AN			0,460	-	-	-	0,460	
36.1	Thôn Linh Chiêu								
	Tuyến đường từ đường BTXM đến nhà ông Đặng Văn Chuyện	Từ đường BTXM	Nhà ông Chuyện	0,065	-	-	-	0,065	
	Tuyến đường từ đường BTXM đến nhà ông Nguyễn Hữu Thoại	Từ đường BTXM	Nhà ông Thoại	0,065	-	-	-	0,065	
36.2	Thôn An Thiện								
	Tuyến đường từ đường BTXM đến nhà ông Út	Từ đường BTXM	Nhà ông Út	0,065	-	-	-	0,065	
	Tuyến đường từ đường BTXM đến nhà ông Thước	Từ đường BTXM	Nhà ông Thước	0,150	-	-	-	0,150	
36.3	Thôn Đức Long								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường từ nhà ông Thạch đến giáp đường lên đồng đội 5	Nhà ông Thạch	Đường lên đồng Đội 5	0,115	-	-	-	0,115	
37	XÃ HỘI SƠN			6,373	-	1,166	4,698	0,509	
37.1	Thôn An Diễm								
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ Chùa Huệ Quang đến nhà ông Võ Đình Trung	Chùa Huệ Quang	Nhà ông Võ Đình Trung	0,090	-	-	0,090	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ DT634 đến nhà ông Văn Thanh Tâm	ĐT.634	Nhà ông Văn Thanh Tâm	0,080	-	-	0,080	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ ĐT638 đến nhà ông Lê Cảnh Tiên	ĐT.638	Nhà ông Lê Cảnh Tiên	0,370	-	-	0,370	-	
37.2	Thôn Đại Khoang								
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến: từ đường nhà ông Phan Văn Nhân đến nhà ông Trần Hùng	Phan Văn Nhân	Trần Hùng	0,300	-	-	0,300	-	
37.3	Thôn Thạch Bàn Tây								
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ Bê tông Sơn Lân vào Nhà ông: Trần Ngọc Linh.	Bê tông Sơn Lân	Nhà ông: Trần Ngọc Linh	0,050	-	-	-	0,050	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ Bê tông Sơn Lân vào Nhà Bà: Trần Thị Vân	Bê tông Sơn Lân	Nhà Bà: Trần Thị Vân	0,080	-	-	-	0,080	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ Bê tông Sơn Lân vào Nhà ông: Nguyễn Phi Long	Bê tông Sơn Lân	Nhà ông: Nguyễn Phi Long	0,070	-	-	-	0,070	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ Bê tông Sơn Lân vào Nhà ông: Nguyễn Chung	Bê tông Sơn Lân	Nhà ông: Nguyễn Chung	0,050	-	-	-	0,050	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ Bê tông Sơn Lân vào Nhà ông: Nguyễn Thiện Thuật	Bê tông Sơn Lân	Nhà ông: Nguyễn Thiện Thuật	0,050	-	-	-	0,050	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ Đường Bê tông Sơn Long Nam xuống Nhà ông Võ minh Tâm	Đường Bê tông Sơn Long Nam	Nhà ông Võ minh Tâm	0,100	-	-	-	0,100	
	Đường BTXM GTNT xã Hội Sơn, Tuyến đường Từ xóm Sơn Nguyên đến khu sản xuất gò Dân Khách	Xóm Sơn Nguyên	Khu sản xuất gò Dân Khách	1,100	-	1,100	-	-	
37.4	Thôn Hiệp Long								
	Đầu tư Xây dựng các tuyến đường BTXM GTNT, nội đồng (giai đoạn 1), hạng mục: Tuyến: từ ruộng giống đến Trạm bơm thôn Hiệp Long	Ruộng giống	Trạm bơm	1,100	-	-	1,100	-	
37.5	Thôn Thôn Long Định								
	Đầu tư Xây dựng các tuyến đường BTXM GTNT, nội đồng (giai đoạn 1), hạng mục: Tuyến Từ trường Mẫu giáo thôn Long Định đi Thủy Văn	Trường mẫu giáo thôn Long Định	Sông La Tinh	0,300	-	-	0,300	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến ĐT634 đến nhà ông Nguyễn Văn Long	ĐT 634	Nhà ông Nguyễn Văn Long	0,200	-	-	0,200	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến ĐT634 đến nhà ông Lê Quan Sang	ĐT 634	Nhà ông Lê Quan Sang	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn,, Tuyến từ nhà ông Đinh Văn Dũng đến nhà bà Trần Thị Lân	Nhà ông Đinh Văn Dũng	Nhà bà Trần Thị Lân	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ ĐT 634 đến nhà bà Trần Thị Cúc	ĐT 634	Nhà bà Trần Thị Cúc	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ ĐT 634 đến nhà ông Hồ Văn Tấn	ĐT 634	Nhà ông Hồ Văn Tấn	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ ĐT 634 đến nhà bà Nguyễn Thị Cảnh	ĐT 634	Nhà bà Nguyễn Thị Cảnh	0,030	-	-	0,030	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ ĐT đến nhà bà Cao Thị Hường	ĐT 634	Nhà bà Cao Thị Hường	0,130	-	-	0,130	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ nhà ông Trần Văn Tiệp đến nhà ông Nguyễn Ngọc Lân	Nhà ông Trần Văn Tiệp	Nhà ông Nguyễn Ngọc Lân	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ ĐT 634 đến nhà ông Phạm Văn Tân	ĐT 634	Nhà ông Phạm Văn Tân	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ ĐT 634 đến nhà bà Phạm Thị Sẻ	ĐT 634	Nhà bà Phạm Thị Sẻ	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ nhà ông Nguyễn Thế Ngọc Anh đến Gò Đình	Nhà ông Nguyễn Thế Ngọc Anh	Gò Đình	0,100	-	-	0,100	-	
37.6	Thôn Hội Sơn								
	Đầu tư Xây dựng các tuyến đường BTXM GTNT, nội đồng (giai đoạn 1), hạng mục: Tuyến: Từ đường BT xóm Sơn Tự đến nhà ông Võ Văn Quang	Đường BT xóm Sơn Tự	Nhà ông Võ Văn Quang	0,500	-	-	0,500	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường BT nhà bà Phụng đến nhà bà Nhị xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường BT nhà bà Phụng	Nhà bà Nhị	0,041	-	-	0,041	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường BT nhà bà Xuân đến nhà ông Chung xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường BT nhà bà Xuân	Nhà ông Chung	0,069	-	-	0,069	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường BT nhà ông Đức đến nhà ông Sang xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường BT nhà ông Đức	Nhà ông Sang	0,026	-		-	0,026	
	Từ đường BT nhà ông Hòa đến nhà ông Chánh xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường BT nhà ông Hòa	Nhà ông Chánh	0,021	-	-	-	0,021	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường ĐT 634 đến nhà bà Mau xóm Sơn Tuyền Nam	Từ đường ĐT 634	Nhà bà Mau	0,042	-	-	0,042	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Vinh xóm Sơn Tuyền Nam	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Vinh	0,075	-	-	0,075	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường ĐT 634 đến nhà bà Từ xóm Sơn Minh	Từ đường ĐT 634	Nhà bà Từ	0,066	-	0,066	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Hoàng xóm Sơn Minh	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Hoàng	0,062	-	-	-	0,062	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Thành xóm Sơn Văn	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Thành	0,046	-	-	0,046	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường ĐT 634 đến nhà bà Đặng Thị Hiền	Từ đường ĐT 634	Nhà bà Hiền	0,060	-	-	0,060	-	
37.7	Thôn Thuận Phong								
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến Từ đường cấp phối xóm Thuận Ái đến nhà ông Nguyễn Văn Phụng	Đường cấp phối xóm Thuận Ái	Nhà ông Nguyễn Văn Phụng	0,300	-	-	0,300	-	
37.8	Thôn Thạch Bàn Đông								
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ xóm Sơn Phụng đến nhà ông Lê Bình	Xóm Sơn Phụng	Nhà ông Lê Bình	0,100	-	-	0,100	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ xóm Sơn Quy đến nhà ông Võ Văn Miên	Xóm Sơn Quy	Nhà ông Võ Văn Miên	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ xóm Sơn Quy đến nhà ông Nguyễn Hùng Cường	Xóm Sơn Quy	nhà ông Nguyễn Hùng Cường	0,100	-	-	0,100	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ xóm Sơn Mã đến nhà ông Nguyễn Văn Tinh	Xóm Sơn Mã	Nhà ông Nguyễn Văn Tinh	0,100	-	-	0,100	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ nhà ông Lãnh đến nhà ông Nguyễn Chí Sanh chiều	Nhà ông Lãnh	Nhà ông Nguyễn Chí Sanh	0,040	-	-	0,040	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ nhà ông Võ Văn Giàu đến nhà ông Võ Văn Dư	Từ nhà ông Vê Văn Giàu	Nhà ông Vê Văn Dư	0,050	-	-	0,050	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ đường BT xóm Sơn Quy đến nhà ông Nguyễn Đức Tích	Đường BT xóm Sơn Quy	Nhà ông Nguyễn Đức Tích	0,030	-	-	0,030	-	
	Đường GTNT xã Hội Sơn, Tuyến từ xóm Sơn Quy đến nhà ông Nguyễn Đức Thạch	Đường BT xóm Sơn Quy	Nhà ông Nguyễn Đức Thạch	0,045	-	-	0,045	-	
38	XÃ KIM SƠN			2,115	1,650	0,465	-	-	
38.1	Thôn Nghĩa Nhon								
	Tuyến từ đường lộ đến Suối Tem	Đường lộ	Suối Tem	0,070	0,070	-	-	-	
38.2	Thôn Bình Sơn								
	Tuyến từ trạm bơm Cây Sung đến Sông	Trạm bơm Cây Sung	Bờ sông	0,100	0,100	-	-	-	
	Tuyến đường bê tông liên thôn đến bờ Sông	Đường BTXM	Bờ sông	0,080	0,080	-	-	-	
38.3	Thôn Nghĩa Điền								
	Tuyến từ nhà Bà Bạch đến Suối Ba Bô	Nhà bà Bạch	Suối Ba Bô	0,320	-	0,320	-	-	
	Tuyến đường BTXM đến nhà Bà Thục	Đường BTXM	Nhà bà Thục	0,145	-	0,145	-	-	
38.4	Thôn Kim Sơn								
	Tuyến từ ĐT630 đến nhà ông Lộc (Kim Sơn)	ĐT,630	Nhà ông Lộc	0,700	0,700	-	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến từ nhà ông Phó Lê đến nhà ông Quang + Nhánh rẽ đến nhà ông ông Khẩn	Nhà Phó Lê	Nhà ông Khẩn	0,500	0,500	-	-	-	
38.5	Thôn Phú Ninh								
	Xây dựng mới tuyến đường BTXM từ cầu ông Kiềm đến nhà ông Dũng xóm Phú Trị	Cầu ông Kiềm	Nhà ông Dũng	0,200	0,200	-	-	-	
39	XÃ NGÕ MÂY			3,760	0,500	1,150	1,790	0,320	
39.1	Thôn Hưng Mỹ 1								
	Tuyến từ Nhà Tùng - Phạm Văn Hào	Nhà Tùng	Phạm Văn Hào	0,100	-	-	-	0,100	
39.2	Thôn Hưng Mỹ 2								
	Tuyến từ ruộng Ông Mùi đến Miếu Bà	Ruộng Ông Mùi	Miếu Bà	0,100	-	-	-	0,100	
39.3	Thôn Mỹ Long								
	Tuyến đường vào Hóc đá	Đường nhựa đi Mỹ Thuận	Hóc đá	0,340	-	-	0,340	-	
39.4	Thôn Mỹ Thuận								
	Tuyến từ BT 2 Danh - Hữu Tư, Út Hạnh	BT 2 Danh	Hữu Tư, Út Hạnh	0,120	-	-	-	0,120	
39.5	Thôn Mỹ Bình								
	Tuyến từ Trường TH Mỹ Bình - Sông Đại An	Trường mẫu giáo	Cổng nhà Ba Huệ	0,350	-	-	0,350	-	
39.6	Thôn Long Hậu								
	Tuyến từ xóm 4- Cát Chánh Cũ	Xóm 4	Cát Chánh Cũ	1,000	-	1,000	-	-	
39.7	Thôn Vĩnh Phú								
	Tuyến từ Nhà Hồ - Nhà Điều	Nhà Hồ	Nhà Điều	0,800	-	-	0,800	-	
39.8	Thôn Phú Hậu								
	Tuyến từ Tỉnh lộ ĐT639 - Đến Cổng Đen	ĐT639	Đến Cổng Đen	0,500	0,500	-	-	-	
39.9	Thôn Vân Triêm								
	Tuyến từ nhà Bà Ng Thị Diệu Hồng - nhà ông Bùi Văn Lợi	Nhà Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Nhà ông Bùi Văn Lợi	0,150	-	0,150	-	-	
39.10	Thôn Chánh Hội								
	Tuyến nhà ông Dương Văn Hiền - Đập Kiến Thiết	Dương Văn Hiền	Đập Kiến Thiết	0,300	-	-	0,300	-	
40	XÃ NHƠN CHÂU	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
41	XÃ PHÙ CÁT			4,940	-	4,940	-	-	
41.1	Thôn Phong An								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	BTXM thôn Phong An, tuyến từ đường BTXM kênh kênh đi chòi bộ đến nhà ông Nguyễn Văn Chiến; tuyến từ nhà ông Nguyễn Văn Minh đến nhà ông Trịnh Văn Hùng; Tuyến khu dân cư năm 2021; Từ nhà ông Phạm Sức đến giáp đường bê tông	Đường BTXM kênh kênh đi chòi bộ Nhà ông Nguyễn Văn Minh Đầu khu dân cư năm 2021 Nhà ông Phạm Sức	Nhà ông Nguyễn Văn Chiến Nhà ông Trịnh Văn Hùng Đầu khu dân cư năm 2021 Giáp đường bê tông hiện trạng	0,777	-	0,777	-	-	
	BTXM thôn Phong An, tuyến từ xóm Nam đến xóm Thái; tuyến từ ĐT đến nhà ông Nguyễn Văn Dũng	Xóm Nam Đường ĐT	Xóm Thái Nhà Ông Nguyễn Văn Dũng	1,450	-	1,450	-	-	
41.2	Thôn An Đức								
	BTXM thôn An Đức, tuyến đường nội bộ xóm An Trung	Đầu xóm An Trung	Cuối xóm An Trung	0,790	-	0,790	-	-	
41.3	Thôn An Phong								
	BTXM thôn An Phong (đoạn từ nhà ông Đỗ Hưng đến nhà bà Tạ Thị Định; từ đường Đình Bộ Lĩnh đến giáp đường Trần Quang Diệu; phía Bắc trụ sở An Phong; từ nhà ông Phan Văn Lý đến nhà ông Đặng Xuân Lang)	Nhà ông Đỗ Hưng, Đường Đình Bộ Lĩnh, Phía Đông Bắc trụ sở An Phong, Nhà ông Phan Văn Lý	Nhà bà Tạ Thị Định, Đường Trần Quang Diệu Phái Tây Bắc trụ sở An Phong, Nhà ông Đặng Xuân Lang	1,023	-	1,023	-		
41.4	Thôn Kiều Huyền								
	BTXM nội đồng thôn Kiều Huyền; Tuyến từ nhà ông Huỳnh Anh Liêm đến Đồng Sim	Nhà ông Huỳnh Anh	Đồng Sim	0,300	-	0,300	-	-	
41.5	Thôn Tân Hòa								
	BTXM tuyến xóm Đông thôn Tân Hòa	Đầu xóm Đông	Cuối xóm Đông	0,600	-	0,600	-	-	
42	XÃ PHÙ MỸ			4,650	-	0,600	4,050	-	
42.1	Tuyến đường BTXM từ miếu Cây Sơn thôn Tân An đến xóm Tân Xuân, thôn Diêm Tiêu	Miếu Cây Sơn, thôn Tân An	Xóm Tân Xuân, thôn Diêm Tiêu	0,600	-	0,600	-	-	
42.2	Tuyến đường BTXM tuyến Nội đồng Vườn Đá đi Núi Giàu	Vườn Đá	Núi Giàu	0,600	-	-	0,600	-	
42.3	Tuyến đường BTXM tuyến nội đồng Từ nhà văn hóa Thôn Trung Bình đi Dốc Muồng	Nhà văn hóa	Dốc Muồng	1,200	-	-	1,200	-	
42.4	Tuyến đường BTXM tuyến nội đồng từ ĐT632 đến Đồng Lỗ Dừa	ĐT632	Đồng Lỗ Dừa	1,100	-	-	1,100	-	
42.5	Tuyến đường BTXM tuyến từ nhà ông Hương đi Mả Đài	Nhà ông Hương	Mả Đài	0,400	-	-	0,400	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
42.6	Tuyến đường BTXM tuyến ĐT632 đi nhà ông Tiên	ĐT632	Nhà ông Tiên	0,750	-	-	0,750	-	
43	XÃ PHÙ MỸ BẮC			6,293	-	-	3,743	2,550	
43.1	Thôn Vạn Lương								
	BTXM từ xóm 9 Vạn Lương đi đồng Hóc Cau Vạn Định	Ngã ba xóm 9	Hóc Cau	0,251	-	-	0,251	-	
	BTXM từ Ngã 3 số 14 đến BTXM Tích Thủy	Ngã 3 số 14	Tích thủy	0,170	-	-	0,170	-	
	BTXM từ Gò ông Quang đến Gò ông Hồ	Gò ông Quang	Gò ông Hồ	0,090	-	-	0,090	-	
	BTXM từ Trường Mẫu giáo cũ đến Gò bà Tổng	Trường MG cũ	Gò bà Tổng	0,150	-	-	0,150	-	
	BTXM từ Xóm 8 đến nhà ông Trần Khánh Hòa	Xóm 8	Trần Khánh Hòa	0,050	-	-	0,050	-	
43.2	Thôn Mỹ Trang								
	BTXM từ giáp đường bê tông đi Châu Trúc đến ruộng Hóc, đội 10	Giáp BTXM Châu Trúc	Ruộng Hóc đội 10	0,255	-	-	0,255	-	
43.3	Thôn Trà Thung								
	BTXM đường cầu tràn, xóm 2, Trà Thung	Cầu tràn	Xóm 2	0,230	-	-	0,230	-	
43.4	Thôn Lộc Thái								
	BTXM từ cầu sắt đến đường bê tông đi đồng Liêm	Cầu Sắt	Giáp BTXM đồng Liêm	0,450	-	-	-	0,450	
43.5	Thôn An Bão								
	BTXM nội đồng đường đồng Đề xóm An Chánh	Ngã 3 Gò Đình	Mương cấp I, xóm An Nghĩa	1,320	-	-	-	1,320	
43.6	Thôn Vạn Định								
	BTXM nội đồng đường từ xóm 9 thôn Vạn Định đi Đập Ký	Ngã 3 xóm 9	Đập Ký	0,380	-	-	-	0,380	
	BTXM nội đồng tại đồng Huyền	Ngã 3 xóm 8	Đập Trùm	0,400	-	-	-	0,400	
43.7	Thôn Hòa Tân								
	Nối tiếp BTXM Truong Sênh, xóm 8	Nhà ông Sênh	Giáp xóm 8	0,097	-	-	0,097	-	
43.8	Thôn Quang Nghiễm								
	BTXM Cổng Hóc Đen đến ngã 3 Hóc Thị	Hóc Đen	Hóc Thị	0,400	-	-	0,400	-	
43.9	Thôn An Giang Tây								
	BTXM Ao Tiên đi Gò Rầy, xóm 3	Ao Tiên	Gò Rầy	0,150	-	-	0,150	-	
43.10	Thôn Cửu thành								
	BTXM từ đường lên hồ cây Sung xóm Cửu Cư	Đường lên hồ	Đồng Cửa	0,400			0,400		
	BTXM từ cầu bà Lụa đi Cửu An	Cầu bà Lụa	Cửu An	1,500			1,500		
44	XÃ PHÙ MỸ ĐÔNG			6,195	0,600	2,300	2,280	1,015	
44.1	Thôn 4								
	BTXM các đường ngõ xóm thôn 4 (đoạn từ nhà ông Phong đến nhà ông Trạng; từ nhà ông Thiệp đến giáp đường nội đồng; từ nhà bà Khải đến giáp đường nội đồng)	Nhà ông Hồ Văn Phong	Nhà ông Đặng Văn Trạng	0,580	-	-	0,580	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	BTXM tuyến đường Trạm bơm Phú Lộc đi trụ sở thôn 7 Nam	Giáp đường BTXM hiện trạng	Nhà văn hoá thôn 7 Nam	0,600	0,600	-	-	-	
44.2	Thôn Chánh Đạo								
	BTXM các tuyến đường ngõ xóm thôn Chánh Đạo (đoạn từ nhà ông Thắng đến nhà ông Lan; từ nhà ông Minh đến nhà ông Cường; từ giáp đường bê tông xóm 4 đến nhà ông Nhánh, nhà ông Chí; nhà ông Hoá	Nhà ông Hồ Văn Thắng	Nhà Trần Quang Lan	0,660	-	-	0,660	-	
44.3	Thôn Tân Phụng 2								
	BTXM các tuyến đường ngõ xóm thôn Tân Phụng 2 (đoạn từ nhà ông Văn đến nhà ông Nghĩa; từ nhà bà Thám đến nhà ông Điện; từ nhà bà Xa đến chợ Tân Phụng)	Nhà ông Sao Quốc Văn	Nhà ông Văn Bá Nghĩa	0,390	-	-	0,390	-	
44.4	Thôn 8 Tây								
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Võ Kim Hùng đến nhà ông Nguyễn Nô xóm 1	Nhà ông Võ Kim Hùng	Ông Nguyễn Nô xóm 1	0,500	-	-	-	0,500	
44.5	Thôn 9								
	BTXM các tuyến đường ngõ xóm thôn 9 (đoạn từ nhà ông Vũ ra biển giáp khu đất sinh hoạt cộng đồng; từ nhà ông Trụ đến nhà bà Nhân	Nhà ông Đặng Văn Vũ	Giáp khu đất sinh hoạt cộng đồng	0,265	-	-	-	0,265	
44.6	Thôn 10								
	BTXM tuyến từ nhà ông Võ Nghiệm đến nương 2 cây dừa	Nhà ông Võ Nghiệm	Mương 2 cây dừa	0,250	-	-	-	0,250	
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Vĩnh đến giáp thôn 11	Nhà ông Nguyễn Vĩnh	giáp thôn 11	0,500	-	0,500	-	-	
44.7	Thôn Xuân Phương								
	Đường nội đồng (Ngã 3 bờ vùng đến 3 cây dừa)	Ngã 3 bờ vùng	3 cây dừa	0,600	-	0,600	-	-	
44.8	Thôn Thuận An								
	BTXM đoạn tuyến từ cầu chính lên phía Bắc hồ Thuận An; đoạn từ nhà văn hoá thôn đi cây me	Cầu chính	Hồ Thuận An	1,200	-	1,200	-	-	
44.9	Thôn Chánh Trục								
	BTXM tuyến đường từ nhà thầy Lâm đi đập Dững	Nhà thầy Lâm	Đập Dững	0,650	-	-	0,650	-	
45	XÃ PHÙ MỸ NAM			3,839	0,668	1,150	2,021	-	
45.1	Đường BTXM nội đồng thôn Bình Long	Từ ngõ Ngân	Giáp đường Thôi Thai	1,070	-	-	1,070	-	
45.2	Đường BTXM từ Trạm điện đi Nghĩa trang nhân dân thôn Vạn Thiện và nhánh rẽ	Từ Trạm Điện	Giáp Nghĩa Trang thôn Vạn Thiện	1,150	-	1,150	-	-	
45.3	Đường BTXM tuyến đường nội đồng từ Cầu Mẫu Quế đi Vĩnh Lý và Đường BTXM đường nội đồng cầu Mẫu Giang Vĩnh Phú 3 đi Vĩnh Lý	Từ đường liên thôn Vĩnh Lý	Hết cánh đồng nội đồng	0,951	-	-	0,951	-	
45.5	BTXM đường Từ Nhà Văn hóa thôn Vạn Ninh 1 đi giáp đường Dẹo Hòn Than đi Vạn Thái	Từ Nhà Văn Hóa Vạn Ninh 1	Giáp Dẹo Hòn Than	0,668	0,668	-	-	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
46	XÃ PHÙ MỸ TÂY			5,300	0,870	2,130	2,300	-	
46.1	Thôn Trung Bình								
	Tuyến đường bê tông tiếp nối đoạn Rộc cây Da đến đất Thổ Liều, thôn Trung Bình	Rộc cây Da	Thổ Liều	0,120	-	-	0,120	-	
46.2	Thôn Chánh Thuận								
	Tuyến đường nhà ông Phong đi trạm điện 110Kw	Nhà ông Phong	Trạm 110kw	0,700	0,700	-	-	-	
46.3	Thôn Trinh Văn Nam								
	Tuyến từ đường ĐT638 đến kênh chính phía Nam hồ Trinh Văn	Đường ĐT638	Kênh chính phía hồ Trinh Văn	0,400	-	0,400	-	-	
46.4	Thôn Trinh Văn Bắc								
	Tuyến đường từ nhà ông Song đi đồng Chùa	Nhà ông Song	Đồng Chùa	0,500	-	-	0,500	-	
46.5	Thôn Lạc Sơn								
	Tuyến đường từ nhà ông Sơn đến nhà ông Hoàng, xóm 2	Nhà ông Sơn	Nhà ông Hoàng	0,450	-	0,450	-	-	
46.6	Thôn Trung Hội								
	Tuyến đường từ ruộng ông Thanh đến ruộng ông Trúc	Ruộng ông Thanh	Ruộng ông Trúc	0,700	-	-	0,700	-	
46.7	Thôn Phú Thiện								
	Tuyến đường từ ruộng ông Huy đến suối	Ruộng ông Huy	Suối	0,120	-	-	0,120	-	
46.8	Thôn Phước Thọ								
	Tuyến đường sau nhà Võ Ngọc Ánh đến chân Gò Sỏi ,xóm 4, thôn Phước Thọ	Nhà Võ Ngọc Ánh	Gò Sỏi	1,000	-	1,000	-	-	
46.9	Thôn Hội Khánh								
	Tuyến đường từ Gò Đình đến nhà ông Nguyễn Văn Được, thôn Hội Khánh	Gò Đình	Nguyễn Văn Được	0,300	-	-	0,300	-	
46.10	Thôn Hội Phú								
	Tuyến đường từ nhà ông Tâm đến Gò Me, xóm 4	Nhà ông Tâm	Gò Me	0,160	-	-	0,160	-	
46.11	Thôn Gia Vần								
	Tuyến đường Gò Tím đến suối	Gò Tím	Suối	0,280	-	0,280	-	-	
46.12	Thôn An Lạc 2								
	Tuyến đường từ nhà bà Tâm đến nhà ông Mai	Nhà bà Tâm	Nhà ông Mai	0,170	0,170	-	-	-	
46.13	Thôn An Lạc 1								
	Tuyến đường từ ĐT638 nhà ông Công đến nhà bà Võ Thị Ba	Giáp ĐT 638	Nhà Võ Thị Ba	0,400	-	-	0,400	-	
47	XÃ TÂY SƠN			0,500	0,100	-	0,400	-	
47.1	Bê tông xi măng từ nhà Võ Thị Phơ đến nhà Nguyễn Đến thôn Phú Hòa	Võ Thị Phơ	Nguyễn Đến	0,400	-	-	0,400	-	
47.2	Bê tông xi măng từ đường Ngọc Hân đến HTXNN Phú Phong 1	Ngọc Hân	HTXNN Phú Phong 1	0,100	0,100	-	-	-	
48	XÃ TUY PHƯỚC			7,008	-	1,317	1,198	4,493	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
48.1	Thôn Thọ Nghĩa								
	Tuyến đường từ nhà bà Lắm đến nhà ông Sang	Nhà bà Lắm	Nhà ông Sang	0,085	-	0,085	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Tân đến nhà ông Sanh	Nhà ông Tân	Nhà ông Sanh	0,120	-	-	0,120	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Hồng đến nhà ông Sao	Nhà ông Hồng	Nhà ông Sao	0,170	-	0,170	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Hòa đến nhà ông Thông	Nhà ông Hòa	Nhà ông Thông	0,110	-	-	-	0,110	
	Tuyến đường từ nhà ông Tự đến nhà bà Nhất	Nhà ông Tự	Nhà bà Nhất	0,090	-	-	-	0,090	
	Tuyến đường từ nhà Mười đến nhà ông Bình	Nhà ông Mười	Nhà ông Bình	0,030	-	0,030	-	-	
	Tuyến đường từ nhà bà Hương đến nhà ông Sáng	Nhà bà Hương	Nhà ông Sáng	0,060	-	0,060	-	-	
	Tuyến đường từ nhà bà Phượng đến nhà ông Biên	Nhà bà Phượng	Nhà ông Biên	0,098	-	-	0,098	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Đức đến nhà ông Hùng	Nhà ông Đức	Nhà ông Hùng	0,070	-	0,070	-	-	
48.2	Thôn Huỳnh Mai			-					
	Tuyến đường từ gò Đốc đến miếu Huỳnh Tây	Gò Đốc	Miếu Huỳnh Tây	0,150	-	-	-	0,150	
48.3	Thôn Trung Tín 1			-					
	Tuyến đường từ nhà ông Xuân đến nhà ông Tân	Nhà ông Xuân	Nhà ông Tân	0,120	-	-	-	0,120	
	Tuyến đường từ nhà bà Chon đến nhà bà Hòa và nhà ông Sang	Nhà bà Chon	Nhà bà Hòa và nhà ông Sang	0,100				0,100	
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Thạch	Đường bê tông	Nhà ông Thạch	0,185	-	-	0,185	-	
48.4	Thôn Trung Tín 2			-					
	Tuyến đường từ nhà bà Hoa đến nhà ông Danh	Nhà bà Hoa	Nhà ông Danh	0,114	-	-	-	0,114	
	Tuyến đường từ nhà bà Ngã đến nhà ông Điệp	Nhà bà Ngã	Nhà ông Điệp	0,080	-	-	-	0,080	
48.5	Thôn Mỹ Điền			-					
	Tuyến đường từ nhà ông Thạch đến nhà bà Hiền	Nhà ông Thạch	Nhà bà Hiền	0,130	-	-	-	0,130	
	Tuyến từ đường Biên Cương đến nhà bà Thu	Đường Biên Cương	Nhà bà Thu	0,115	-	-	-	0,115	
	Tuyến đường từ nhà ông Đệ đến nhà ông Tiến	Nhà ông Đệ	Nhà ông Tiến	0,130	-	-	0,130	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Chánh đến nhà bà Lộng	Nhà ông Chánh	Nhà bà Lộng	0,110	-	0,110	-	-	
	Tuyến đường từ nhà bà Mãng đến nhà ông Đức	Nhà bà Mãng	Nhà ông Đức	0,040	-	-	-	0,040	
	Tuyến đường từ nhà bà Đông đến nhà ông Bình	Nhà bà Đông	Nhà ông Bình	0,110	-	-	-	0,110	
	Tuyến đường từ nhà ông Quang đến nhà ông Lam	Nhà ông Quang	Nhà ông Lam	0,040	-	-	-	0,040	
	Tuyến đường từ nhà ông Tấn đến nhà ông Sum	Nhà ông Tấn	Nhà ông Sum	0,048	-	-	-	0,048	
	Tuyến đường từ nhà ông Xuân đến nhà ông Cảnh	Nhà ông Xuân	Nhà ông Cảnh	0,100	-	0,100	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Phán đến nhà ông Lịa	Nhà ông Phán	Nhà ông Lịa	0,098	-	-	-	0,098	
	Tuyến đường từ đường Biên cương đến nhà ông Tám	Đường Biên cương	Nhà ông Tám	0,185	-	-	-	0,185	
	Tuyến đường từ nhà bà Cúc đến nhà ông Anh	Nhà bà Cúc	Nhà ông Anh	0,100	-	-	-	0,100	
48.6	Thôn Công Chánh			-					
	Tuyến đường từ đường Võ Trứ đến nhà ông Quyền	Đường Võ Trứ	Nhà ông Quyền	0,074	-	0,074	-	-	
	Tuyến đường từ nhà bà Diệu đến nhà ông Long	Nhà bà Diệu	Nhà ông Long	0,074	-	-	-	0,074	
	Tuyến đường từ nhà ông Tường đến nhà bà Đào	Nhà ông Tường	Nhà bà Đào	0,050	-	-	-	0,050	
48.7	Thôn Thạnh Thế			-					

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường từ nhà bà Thoa đến nhà bà Công	Nhà bà Thoa	Nhà bà Công	0,030	-	-	0,030	-	
	Tuyến đường từ cầu qua mương sâu đến nhà ông Đính	Cầu qua mương	Nhà ông Đính	0,084	-	-	-	0,084	
	Tuyến đường từ nhà ông Đáo đến nhà ông Tài	Nhà ông Đáo	Nhà ông Tài	0,051	-	0,051	-	-	
48.8	Thôn Nhân Ân			-					
	Tuyến đường từ cầu Ân Tân đến nhà ông Chì	Cầu Ân Tân	Nhà ông Chì	0,450	-	-	-	0,450	
	Tuyến đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Hiền	Nhà ông Thành	Nhà ông Hiền	0,060	-	-	-	0,060	
48.9	Thôn Bình Thái			-					
	Tuyến đường từ chùa Hải Minh đến nhà ông Dũng	Chùa Hải Minh	Nhà ông Dũng	0,080	-	-	-	0,080	
	Tuyến đường từ nghĩa địa đến nhà ông Thừa	Nghĩa địa	Nhà ông Thừa	0,110	-	-	-	0,110	
	Tuyến đường từ trụ sở thôn đến lǎng Nam Hải	Trụ sở thôn	Lǎng Nam Hải	0,120	-	-	0,120	-	
48.10	Thôn Quảng Vân			-					
	Tuyến đường từ nhà ông Thu đến nhà ông Tiếp	Nhà ông Thu	Nhà ông Tiếp	0,080	-	-	-	0,080	
	Tuyến đường từ nhà ông Xong đến nhà ông Châu	Nhà ông Xong	Nhà ông Châu	0,105	-	-	0,105	-	
	Tuyến đường từ nhà bà Hiền đến nhà bà Hải	Nhà bà Hiền	Nhà bà Hải	0,225	-	-	-	0,225	
	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Toàn	Đường bê tông	Nhà ông Toàn	0,135	-	-	-	0,135	
	Tuyến đường từ cầu Bà Điền đến nhà ông Tâm	Cầu Bà Điền	Nhà ông Tâm	0,220	-	0,220	-	-	
	Tuyến đường từ cầu ông Độ đến nhà ông Em	Cầu ông Độ	Nhà ông Em	0,200	-	-	-	0,200	
	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Thanh	Đường bê tông	Nhà ông Thanh	0,100	-	-	0,100	-	
	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Hiến	Đường bê tông	Nhà ông Hiến	0,030	-	-	0,030	-	
	Tuyến đường từ nhà bà Phụng đến nhà ông Ty	Nhà bà Phụng	Nhà ông Ty	0,120	-	0,120	-	-	
48.11	Thôn Tân Thuận			-					
	Tuyến đường từ nhà bà Lân đến nhà ông Phụng	Nhà bà Lân	Nhà ông Phụng	0,100	-	-	-	0,100	
	Tuyến đường từ nhà bà Tư đến nhà ông Điệp	Nhà bà Tư	Nhà ông Điệp	0,050	-	-	-	0,050	
	Tuyến đường từ nhà ông Tú đến nhà bà Mười	Nhà ông Tú	Nhà bà Mười	0,100	-	-	-	0,100	
48.12	Thôn Phong Tấn			-					
	Tuyến đường từ nhà bà Lệ đến nhà ông Ân	Nhà Bà Lệ	Nhà Ông Ân	0,035	-	0,035	-	-	
48.13	Thôn Lộc Hạ			-					
	Tuyến đường từ nhà ông Hiếu đến nhà bà Liên, ông Năm	Nhà ông Hiếu	Nhà bà Liên, ông Năm	0,280	-	-	0,280	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Hải đến đường bê tông nhựa	Nhà ông Hải	Đường bê tông nhựa	1,040	-	-	-	1,040	
48.14	Thôn Quảng Tín			-					
	Tuyến đường từ nhà bà Mai đến nhà bà Quỳnh	Nhà bà Mai	Nhà bà Quỳnh	0,017	-	0,017	-	-	
	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Thọ	Đường bê tông	Nhà ông Thọ	0,025	-	-	-	0,025	
48.15	Thôn Diêu Trì			-					
	Tuyến từ nhà ông Thuân đến nhà ông Đặng	Nhà ông Thuân	Nhà ông Đặng	0,175	-	0,175	-	-	
49	XÃ TUY PHƯỚC BẮC			2,286	-	0,818	1,468	-	
49.1	Thôn Phục Thiện								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến Nhà Văn hoá thôn - Nhà Trần Đình Thám	Nhà Văn hoá thôn	Nhà Trần Đình Thám	0,409	-	0,293	0,116	-	
49.2	Thôn Văn Quang								
	Đường bê tông giao thông nông thôn. Kho đội 11 - Nhà Nguyễn Thị Bê và Nhà Lưu thị Thanh - Nhà Lê Lợi	Kho đội 11	Nhà Lê Lợi	0,549	-	-	0,549	-	
49.3	Thôn Luật Bình								
	Đường bê tông giao thông nông thôn. Cống Dũng Tháp - Nhà Thái Bình Minh và Nhà Ngô Đình Trung - Nhà Trần Đình Bình	Cống Dũng Tháp	Nhà Trần Đình Bình	1,077	-	0,274	0,803	-	
49.4	Thôn Đại Lễ								
	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến Cống Đôi - Nhà Minh	Cống Đôi	Nhà Minh	0,251	-	0,251	-	-	
50	XÃ TUY PHƯỚC ĐÔNG			1,212	0,220	0,607	-	0,385	
50.1	Thôn Lạc Điền								
	Tuyến đường từ nhà ông Bảo đến nhà bà Vân	Nhà ông Bảo	Nhà bà Vân	0,282	-	0,282	-	-	
50.2	Thôn Huỳnh Giản Bắc								
	Nâng cấp tuyến đường từ ĐT 639 đến cổng chào thôn Huỳnh Giản Bắc	Tỉnh lộ 639	Cổng chào	0,220	0,220	-	-	-	
50.3	Thôn Hữu Thành								
	Tuyến đường từ nhà ông Tám đến nhà ông Hòa	Nhà ông Tám	Nhà ông Hòa	0,385	-	-	-	0,385	
50.4	Thôn Bình Lâm								
	Tuyến đường từ đập Cát đến bờ tràn bà Dư	Đập Cát	tràn bà Dư	0,325	-	0,325	-	-	
51	XÃ TUY PHƯỚC TÂY			2,050	-	2,050	-	-	
51.1	BTXM đường nội đồng từ Ngã 5 đến Thiện Trường, thôn Ngọc Thạnh 1	Ngã 5	Thiện Trường	0,590	-	0,590	-	-	
51.2	BTXM đường nội đồng từ Ngõ Sỷ đến Cầu Giáp Sớ, thôn Ngọc Thạnh 1	Ngõ Sỷ	Cầu Giáp Sớ	0,640	-	0,640	-	-	
51.3	BTXM đường nội đồng từ Cầu Gòn đến Gò Nhàn, thôn Đại Hội	Cầu Gòn	Gò Nhàn	0,200	-	0,200	-	-	
51.4	BTXM Từ Ngõ Tuấn đến Ngõ Cúc thôn An Sơn 2	Ngõ Tuấn	Ngõ Cúc	0,620	-	0,620	-	-	
52	XÃ VÂN CANH	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
53	XÃ VẠN ĐỨC			3,581	0,028	0,370	2,231	0,952	
53.1	Thôn Vạn Hội 2								
	Tuyến từ nhà ông Kiểm đến nhà ông Thống xóm 2, thôn Vạn Hội 2	Nhà ông Kiểm	Nhà ông Thống	0,126	-	-	0,126	-	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến từ nhà ông Phương đến nhà ông Cường xóm 2, thôn Vạn Hội 2	Nhà ông Phương	Nhà ông Cường	0,129	-	-	0,129	-	
	Tuyến từ nhà ông Vi đến nhà ông Triều xóm 3, thôn Vạn Hội 2	Nhà ông Vi	Nhà ông Triều	0,155	-	-	0,155	-	
	Tuyến nhà ông Một đến nhà ông Thu, xóm 3, thôn Vạn Hội 2	Nhà ông Một	Nhà ông Thu	0,070	-	-	0,070	-	
53.2	Thôn Thanh Lương								
	Tuyến nhà ông Phan Công Quyền, xóm 7, thôn Thanh Lương	Từ đường bê tông	Nhà ông Quyền	0,020	-	-	0,020	-	
	Tuyến nhà ông Cao Văn Bê, xóm 7, thôn Thanh Lương	Từ đường bê tông	Nhà ông Bê	0,036	-	-	0,036	-	
	Tuyến từ nhà ông Đỗ Công Danh đến nhà ông Nguyễn Văn Tám, xóm 8, thôn Thanh Lương	Nhà ông Danh	Nhà ông Tám	0,035	-	-	0,035	-	
	Tuyến nhà ông Đoàn Văn Vinh đến nhà ông Lê Văn Lượm, xóm 8, thôn Thanh Lương	Nhà ông Vinh	Nhà ông Lượm	0,200	-	-	0,200	-	
	Tuyến nhà ông Lê Thạch Truyền, xóm 8, thôn Thanh Lương	Từ đường bê tông	Nhà ông Truyền	0,100		-	0,100	-	
	Tuyến nhà bà Cao Thị Côi, xóm 8, thôn Thanh Lương	Từ đường bê tông	Nhà bà côi	0,050	-	-	0,050	-	
	Tuyến nhà ông Cao Văn Dự, xóm 8, thôn Thanh Lương	Từ đường bê tông	Nhà ông Dự	0,025	-	-	0,025		
	Tuyến nhà ông Dương Minh Vinh, xóm 9, thôn Thanh Lương	Từ đường bê tông	Nhà ông Vinh	0,025	-	-	0,025	-	
53.3	Thôn An Thường 1								
	Tuyến từ nhà Quý đến nhà bà Lợi, thôn An Thường 1	Nhà ông Quý	Nhà bà Lợi	0,195	-	-	0,195	-	
	Tuyến từ đường liên xóm đến nhà chõ, thôn An Thường 1	Đường liên xóm	Nhà ông Chõ	0,090	-	-	0,090	-	
	Tuyến từ đường liên xã đến nhà ông Hùng, thôn An Thường 1	Đường liên xã	Nhà ông Hùng	0,230	-	-	-	0,230	
	Tuyến Từ nhà Ân đến nhà ông Đông, thôn An Thường 1	Nhà ông Ân	Nhà ông Đông	0,107	-	-	-	0,107	
	Tuyến từ đường Tây Tinh đến nhà ông Hậu, thôn An Thường 1	Đường Tây tinh	Nhà ông Hậu	0,160	-	-	0,160	-	
53.4	Thôn Hội An								
	Tuyến đường Liên xã đến nhà bà vô Thị Tổ Mỹ, thôn Hội An	Đường liên xã	Nhà bà Mỹ	0,150	-	-	0,150	-	
	Tuyến từ nhà ông Lê Văn Nhường đến nhà ông Quý, xóm 1, thôn Hội An	Nhà ông Nhường	Nhà ông Quý	0,150	-	-	-	0,150	
	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Văn Bổng đến nhà ông Sinh, xóm 2, thôn Hội An	Nhà ông Bổng	Nhà ông Sinh	0,050	-	-	0,050		
	Tuyến từ nhà ông Hồ Văn Thiên đến nhà ông Nền, thôn Hội An	Nhà ông Thiên	Nhà ông Nền	0,150	-	-	-	0,150	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến từ nhà ông Dương Tấn Đạo đến nhà ông Thanh, xóm 3, thôn Hội An	Nhà ông Đạo	Nhà ông Thanh	0,065	-	-	0,065	-	
	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Văn Thống đến nhà ông Trường, xóm 3, thôn Hội An	Nhà ông Thống	Nhà ông Trường	0,065	-	-	-	0,065	
53.5	Thôn Thế Thạnh 1								
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Lê Văn Nho, xóm 3, thôn Thế Thạnh 1	Đường bê tông	Nhà ông Nho	0,080	-	-	0,080	-	
	Tuyến từ nhà ông Lê Văn Nguyên đến nhà ông Long, xóm 2, thôn Thế Thạnh 1	Nhà ông Nguyên	Nhà ông Long	0,250	-	-	-	0,250	
53.6	Thôn An Thường 2			-					
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Văn Bình, thôn An Thường 2	Đường bê tông	Nhà ông Bình	0,040	-	-	0,040	-	
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà bà Trương Thị Thu Hà, xóm 3, thôn An Thường 2	Đường bê tông	Nhà bà Hà	0,040	-	-	0,040	-	
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà bà Nguyễn Thị Oanh, xóm 1, thôn An Thường 2	Đường bê tông	Nhà bà Oanh	0,070	-	-	0,070	-	
	Tuyến đường nghĩa địa khu A, thôn An Thường 2	Đường bê tông	Nghĩa địa	0,150	-	0,150	-	-	
	Tuyến đường từ nhà ông Trần Minh Nhựt đến nhà ông Quốc, thôn An Thường 2	Nhà ông Nhựt	Nhà ông Quốc	0,120	-	0,120	-	-	
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Kim Tự	Đường bê tông	Nhà ông Tự	0,100	-	0,100	-	-	
53.7	Thôn Thế Thạnh 2								
	Tuyến nhà ông Long đến nhà bà Biết, thôn Thế Thạnh 2	Nhà ông Long	Nhà bà Biết	0,120	-	-	0,120	-	
53.8	Thôn Vạn Hội 1								
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Võ Văn Tâm, thôn Vạn Hội 1	Đường bê tông	Nhà ông Tâm	0,075	-	-	0,075	-	
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Văn Minh, thôn Vạn Hội 1	Đường bê tông	Nhà ông Minh	0,055	-	-	0,055	-	
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Đỗ Xu, thôn Vạn Hội 1	Đường bê tông	Nhà ông Xu	0,070	-	-	0,070	-	
	Tuyến từ đường bê tông đến nhà văn hóa thôn Vạn Hội 1	Đường bê tông	Nhà văn hóa thôn Vạn Hội 1	0,028	0,028	-	-	-	
54	XÃ VĨNH QUANG	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
55	XÃ VĨNH SƠN	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
56	XÃ VĨNH THẠNH	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
57	XÃ VĨNH THỊNH	-	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
58	XÃ XUÂN AN			3,806	-	2,196	1,610	-	
58.1	Thôn Đại Ân								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Dư đến giáp hồ Hồ Dội	Nhà bà Nguyễn Thị Dư	Giáp hồ Hồ Dội	0,440	-	0,440	-	-	
	Tuyến đường từ cổng Chùa Linh Sơn đến giáp nghĩa địa Cây Xay	Cổng Chùa Linh Sơn	Nghĩa địa Cây Xay	0,605	-	0,605	-	-	
58.2	Thôn Chánh Nhơn								
	Tuyến đường từ nhà ông Bản đến nhà bà Phùng Thị Thâm	Nhà ông Bản	Nhà bà Phùng Thị Thâm	0,475	-	0,475	-	-	
58.3	Thôn Liên Trì								
	Tuyến đường từ nhà ông tám Hùng đến ngõ nhà ông Nguyễn Văn Thông	Nhà ông Tám Hùng	Nhà ông Nguyễn Văn Thông	0,085	-	0,085	-	-	
58.4	Thôn Đại Hào								
	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Dữ đến nhà bà Lương Thị Hiếu	Nhà bà Nguyễn Thị Dữ	Nhà bà Lương Thị Hiếu	0,192	-	-	0,192	-	
	Tuyến đường từ ngã ba nhà ông Nguyễn Quốc Dũng đến nhà bà Nguyễn Thị Trâm	Nhà ông Nguyễn Quốc Dũng	Nhà bà Nguyễn Thị Trâm	0,151	-	-	0,151	-	
58.5	Thôn Trung Bình								
	Tuyến đường từ đăm Luống lên Đình Trung Bình Đông	Đăm Luống	Đình Trung Bình Đông	0,105	-	0,105	-	-	
58.6	Thôn Tường Sơn								
	Tuyến đường từ ngõ Tú đến ngõ Mùi	Ngõ Tú	Ngõ Mùi	0,130	-	-	0,130	-	
	Tuyến đường từ ngõ Lang đến ngõ Huỳnh	Ngõ Lang	Ngõ Huỳnh	0,145	-	-	0,145	-	
58.7	Thôn Phú Gia								
	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Cu đến nhà ông Nguyễn Thanh Hùng	Nhà ông Nguyễn Cu	Nhà ông Nguyễn Thanh Hùng	0,550	-	-	0,550	-	
	Tuyến đường từ ngõ Đặng Đích đến ngõ Nguyễn Đức Hoàng	Ngõ Đặng Đích	Ngõ Nguyễn Đức Hoàng	0,370	-	-	0,370	-	
58.8	Thôn Kiều Đông								
	Tuyến đường từ ngã ba đến ngõ bà Hồ Thị Hồng	Ngã ba	Ngõ bà Hồ Thị Hồng	0,072	-	-	0,072	-	
58.9	Thôn Chánh Hòa								
	Tuyến đường liên thôn từ Chánh Hòa đi Xuân Quang	Trụ sở thôn Chánh Hòa	Cầu Lỗ Dừa Xuân Quang	0,381	-	0,381	-	-	
58.10	Thôn Đại Hữu								
	Tuyến từ ngõ Phan Phước Thanh đến ngõ Lê Văn Dũng	Ngõ Phan Phước Thanh	Ngõ Lê Văn Dũng	0,105	-	0,105	-	-	
TỔNG CỘNG				188,285	16,173	94,877	54,307	22,928	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài hỗ trợ

188,285

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Ghi chú
	- Đường GTNT loại A:		16,173						
	- Đường GTNT loại B:		94,877						
	- Đường GTNT loại C:		54,307						
	- Đường GTNT loại D:		22,928						
	2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:		24.774,598						
	- Đường GTNT loại A:	198	3.202,254						
	- Đường GTNT loại B:	153	14.516,181						
	- Đường GTNT loại C:	97	5.267,779						
	- Đường GTNT loại D:	78	1.788,384						